

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH
.....*.....

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH



Trà Vinh, tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CPH.....	6
I. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP.....	6
1. Tên Công ty.....	6
2. Trụ sở chính.....	6
3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	6
4. Tư cách pháp nhân.....	6
5. Vốn điều lệ của Công ty.....	6
6. CSH Công ty.....	7
7. Ngành nghề kinh doanh.....	7
8. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	7
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	8
III. THỰC TRẠNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GTDN.....	10
1. Tổng cộng nguồn vốn hoạt động tại thời điểm xác định GTDN.....	10
1.1. Phân theo cơ cấu tài sản.....	10
1.2. Phân theo nguồn vốn.....	12
2. Cơ cấu tổ chức.....	22
2.1. Sơ đồ tổ chức các bộ phận trong công ty.....	22
2.2. Chức năng các phòng ban.....	23
3. Tình hình lao động.....	30
4. Các tổ chức đoàn thể công ty.....	33
5. Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hoá.....	33
5.1. Tình hình sản xuất kinh doanh qua các năm.....	33
5.2. Tình hình thực hiện các dự án đang triển khai.....	34
5.3. Tình hình thực hiện đầu tư tài chính.....	35
6. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2014 và đến thời điểm xác định GTDN.....	37
6.1 Thuận lợi.....	37
6.2 Khó khăn.....	37
7. Công nghệ, thiết bị và cơ sở hạ tầng, năng lực sản xuất.....	38
7.1. Trình độ công nghệ.....	38
7.2. Triển vọng phát triển.....	39
8. Giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.....	39
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ.....	40



I.	CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	40
II.	MỤC TIÊU CPH.....	41
III.	HÌNH THỨC CPH.....	41
IV.	TÌNH HÌNH DOANH NGHIỆP SAU KHI CPH.....	42
1.	Tên Công ty.....	42
2.	Hình thức pháp lý.....	42
3.	Ngành nghề kinh doanh.....	42
4.	GTDN để CPH và các dự án chưa đưa vào CPH.....	43
5.	Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần.....	47
5.1	Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần như sau.....	47
5.2	Cơ cấu tổ chức định biên các đơn vị trong doanh nghiệp.....	47
5.3	Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành.....	48
V.	PHƯƠNG ÁN CPH VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	49
1.	Số lượng cổ phần chào bán.....	49
2.	Trình tự chào bán và giá khởi điểm.....	50
3.	Phương án chào bán cổ phần.....	50
3.1	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.....	50
3.2	Cổ phần chào bán cho công đoàn công ty.....	52
3.3	Cổ phần bán cho người lao động trong công ty.....	52
3.4	Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT.....	54
4.	Tổ chức bán đấu giá.....	54
4.1	Xử lý cổ phiếu không bán hết.....	54
4.2	Phương án xử lý.....	54
5.	Các rủi ro dự kiến.....	55
5.1	Rủi ro về kinh tế.....	55
5.2	Rủi ro về luật pháp.....	55
5.3	Rủi ro đặc thù.....	55
5.4	Rủi ro của đợt chào bán.....	56
5.5	Rủi ro khác.....	56
VI.	PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG.....	56
VII.	KẾ HOẠCH XỬ LÝ LAO ĐỘNG DÔI DƯ.....	57
VIII.	CHIẾN LƯỢC VÀ PHƯƠNG ÁN KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU CPH.....	58
1.	Chiến lược phát triển.....	58
1.1	Sản phẩm.....	58



1.2	Khách hàng.....	58
1.3	Thị trường.....	58
1.4	Thương hiệu.....	58
1.5	Nguồn nhân lực.....	59
2.	<i>Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 – 2018.....</i>	<i>59</i>
2.1	Các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 đến 2018 của Công ty.....	59
2.2	Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2016 – 2018.....	60
3.	<i>Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh doanh chính.....</i>	<i>61</i>
3.1	Giải pháp về tài chính.....	61
3.2	Những biện pháp kỹ thuật.....	61
3.3	Những biện pháp về quản lý.....	62
3.4	Duy trì và mở rộng thị trường của Công ty.....	62
3.5	Tăng cường công tác quản lý và đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động.....	62
4.	<i>Phân tích Swot.....</i>	<i>63</i>
IX.	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT.....	65
X.	QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA.....	71
1.	<i>Quản lý tiền thu từ CPH.....</i>	<i>71</i>
1.1	Dự toán chi phí CPH.....	71
XI.	TỔ CHỨC PHƯƠNG ÁN CPH ĐƯỢC DUYỆT.....	72
1.	<i>Tổ chức phương án được duyệt.....</i>	<i>72</i>
1.1	Triển khai các bước bán cổ phần.....	72
1.2	Triển khai phương án sắp xếp lao động được phê duyệt.....	72
1.3	Quản lý tiền thu được từ CPH.....	72
1.4	Tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập.....	73
2.	<i>Kiến nghị.....</i>	<i>73</i>



CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG PHƯƠNG ÁN CPH

Các khái niệm:

- **“Công ty”**: Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động dưới mô hình Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.
- **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
- **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông.
- **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Bản điều lệ.
- **“Tổ chức tư vấn”**: Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta.
- **“Tổ chức định giá”**: Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tìon học Tp.HCM.

Các từ viết tắt:

CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CPH:	Cổ Phần Hóa
CSH:	Chủ sở hữu
GTDN:	GTDN
HĐLĐ:	HĐLĐ
MTV:	MTV
NĐT:	Nhà đầu tư
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND:	Ủy ban nhân dân

PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CPH

I. Giới thiệu về Doanh nghiệp

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Tên tiếng anh: Tra Vinh Water Supply and Drainage Limited Company

Tên viết tắt: TRAWACO

Logo:



2. Trụ sở chính

Trụ sở: Số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 074.3840215

Fax: 074.3850656

Email: trawacotv@gmail.com

Quyết định thành lập: Thực hiện Quyết định số: 2248 /QĐ – UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Trà Vinh, về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100119570 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp và đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2010.

4. Tư cách pháp nhân

Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng. Là đơn vị sản xuất kinh doanh 100% vốn Nhà nước, tự chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Vốn điều lệ của Công ty

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100119570 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp và đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2010.



Trên giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: 70.804.252.691 đồng

6. CSH Công ty

UBND tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: 52A Lê Lợi, phường 1, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0743.855892

7. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp, Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh kinh doanh các ngành nghề chính sau đây:

STT	Tên Ngành	Mã Ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh	3600
2	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước, thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước	4322
3	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	3700
4	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai	1104
5	Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh Dịch vụ cấp nước sau đồng hồ Dịch vụ thoát nước cộng đồng Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp Sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí chuyên ngành và các sản phẩm dân dụng Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước	

8. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Sản phẩm chủ yếu của công ty Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị, khu công nghiệp trong toàn tỉnh.



II. Quá trình hình thành và phát triển

1. Quá trình hình thành

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh được hình thành tách ra từ công ty cấp nước Cửu Long cũ từ tháng 5 năm 1992.

Năm 1993 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định số 97/QĐ-UBT ngày 17 tháng 03 năm 1993 về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Công trình Đô thị Trà Vinh.

Năm 1995 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định số 318/QĐ-UBT ngày 03 tháng 05 năm 1995 về việc đổi tên Công ty Công trình Đô thị Trà Vinh thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh, là doanh nghiệp nhà nước hạng II, trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh.

Tháng 12 năm 2010 thực hiện Quyết định số: 2248 /QĐ – UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Trà Vinh, về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

2. Quá trình phát triển

Chia theo từng giai đoạn

- Năm 1993 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định số 97/QĐ-UBT ngày 17 tháng 03 năm 1993 về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Công trình Đô thị Trà Vinh.

Chức năng nhiệm vụ:

Sản xuất và phân phối nước sạch.

Quản lý các công trình sự nghiệp công cộng đô thị (thoát nước, vệ sinh, cây xanh, chiếu sáng, vỉa hè ...)

Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng và xây dựng khác.

Quản lý kinh doanh nhà.

Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

Gồm có:

Nhà máy nước Trà Vinh công suất thiết kế 7.000 m³/ngày đêm cung cấp nước cho TX Trà Vinh và thị trấn Châu Thành tỉnh Trà Vinh.

Trạm cấp nước thị trấn Cầu Ngang công suất thiết 1.400 m³/ngày đêm.

Năm 1994 Công ty tiếp nhận Trạm Cấp nước thị trấn Trà Cú do UBND huyện Trà Cú quản lý bàn giao về Công ty quản lý và đưa vào sử dụng từ tháng 07 năm 1994 công suất thiết 700 m³/ngày đêm.

Năm 1995 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định số 318/QĐ-UBT ngày 03 tháng 05 năm 1995 về việc đổi tên Công ty Công trình Đô thị Trà Vinh thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh.

Chức năng nhiệm vụ:



Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt, sản xuất ở các đô thị và nông thôn trong toàn tỉnh.

Quản lý hệ thống Cấp thoát nước được đầu tư trong tỉnh.

Xây lắp hệ thống cấp thoát nước.

Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

Gồm có :

Nhà máy nước Trà Vinh công suất thiết 7.000 m³/ngày đêm cung cấp nước cho TX Trà Vinh và thị trấn Châu Thành tỉnh Trà Vinh.

Trạm cấp nước thị trấn Cầu Ngang công suất thiết 1.400 m³/ngày đêm

Trạm Cấp nước thị trấn Trà Cú công suất thiết 700 m³/ngày đêm.

Trạm Cấp nước thị trấn Duyên Hải do UBND huyện Duyên Hải quản lý bàn giao về Công ty từ tháng 05 năm 1995 công suất thiết 700 m³/ngày đêm.

- Tháng 12 Năm 1996 công ty đưa vào sử dụng trạm cấp nước thị trấn Mỹ Long huyện Cầu Ngang do Công ty đầu tư xây dựng công suất thiết 700 m³/ngày đêm.

- Tháng 10 năm 1998 thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Dự án khả thi nâng cấp nhà máy nước Trà Vinh công suất 7.000m³/ngày đêm lên 14.000 đến 18.000 m³/ngày đêm bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Úc và vốn đối ứng ngân sách Công ty khánh thành đưa vào sử dụng cấp nước cho TP Trà Vinh, thị trấn Châu Thành và vùng ven TP Trà Vinh thuộc huyện Châu Thành.

- Năm 2002 công ty đưa vào sử dụng trạm cấp nước thị trấn Tiểu Cần huyện Tiểu Cần công suất 1.200m³/ngày đêm bằng nguồn vốn OECF viện trợ Chính phủ Nhật Bản vốn đối ứng ngân sách.

- Năm 2004 công ty đưa vào sử dụng trạm cấp nước thị trấn Cầu Quan huyện Tiểu Cần và trạm cấp nước thị trấn Cầu Kè huyện Cầu Kè công suất mỗi trạm 720m³/ngày đêm bằng nguồn vốn JBIC Nhật Bản vốn đối ứng ngân sách.

- Năm 2008 Công ty tiếp nhận bộ phận thoát nước từ công ty Công trình Đô thị về Công ty.

- Năm 2011 thực Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Trà Vinh;

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ các đô thị trong trong toàn tỉnh;

- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước; Thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước.

- Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.



- Dịch vụ cấp nước sau đồng hồ.
- Dịch vụ thoát nước cộng đồng.
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ.
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.
- Sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí chuyên ngành và các sản phẩm dân dụng.
- Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai.
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước.

III. Thực trạng của Doanh nghiệp tại thời điểm xác định GTDN

1. Tổng cộng nguồn vốn hoạt động tại thời điểm xác định GTDN

1.1. Phân theo cơ cấu tài sản

1.1.1. Tài sản dài hạn

DVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
I	Các khoản phải thu dài hạn	88.166.058.800
1	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	88.166.058.800
II	Tài sản cố định	99.863.076.381
1	Tài sản cố định hữu hình	94.697.666.523
	- Nguyên giá	142.365.592.856
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(47.658.926.333)
2	Tài sản cố định vô hình	1.025.750.940
	- Nguyên giá	1.332.761.925
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(307.010.985)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.139.658.918
III	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.000.000.000
1	Đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000
IV	Tài sản dài hạn khác	6.185.530.090
1	Chi phí trả trước dài hạn	6.185.530.090



TỔNG TÀI SẢN DÀI HẠN	197.214.665.271
-----------------------------	------------------------

(Nguồn: Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh)

1.1.2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	11.603.901.751
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	311.347.565
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	7.413.191.479
1	Phải thu khách hàng	3.673.674.089
2	Trả trước cho người bán	734.317.340
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	57.134.027
4	Các khoản phải thu khác	2.948.066.023
IV	Hàng tồn kho	7.636.264.826
1	Hàng tồn kho	7.636.264.826
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	1.404.340.724
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	1.308.495.685
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	82.345.039
4	Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	13.500.000
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		28.369.046.345

(Nguồn: Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh)



1.2. Phân theo nguồn vốn

1.2.1. Vốn CSH

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Nguồn vốn đầu tư của CSH	102.026.918.848
2	Quỹ đầu tư phát triển	4.389.267.121
3	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản	20.082.544.138
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	147.184.080
	Cộng	126.645.914.187

(Nguồn: Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh)

1.2.2. Các khoản công nợ phải trả

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
I	Nợ ngắn hạn	16.550.067.130
1	Vay và nợ ngắn hạn	990.000.000
2	Phải trả người bán	1.817.180.238
3	Người mua trả tiền trước	1.903.636
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.562.943.718
5	Phải trả người lao động	4.695.921.243
6	Chi phí phải trả	254.182.887
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.738.882.038
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.489.053.370
II	Nợ dài hạn	82.387.730.299
1	Phải trả dài hạn khác	2.553.000
2	Vay và nợ dài hạn	82.385.177.299
	Tổng nợ phải trả	98.937.797.429



(Nguồn: Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh)



1.2.3. Hiện trạng sử dụng đất

Công ty đang quản lý và sử dụng những khu đất cụ thể như sau:

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc đất	Năm chuyển QSDĐ/ NN giao đất	Mục đích Sử dụng đất	Ghi chú
1	Khu văn phòng Cty và Trạm bơm tăng áp II	Điện Biên Phủ, K3P6, TP Trà Vinh	4.589	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	22/02/2006	Văn phòng Cty và trạm bơm cấp II	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 22/02/2006 Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 14/01/2013; Thửa đất số: 20; Tờ bản đồ số: 20
2	Trạm tăng áp II (phụ trợ - Khu B)	Điện Biên Phủ, P9 TP Trà Vinh	2.732,20	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	28/8/1997	Nhà kho vật tư, khu nhà làm việc	Quyết định 1131/QĐ-UBT ngày 28/8/1997 Thửa đất số: 1 Tờ bản đồ số: 13
3	Trạm tăng áp II (mở rộng - Khu C)	K3P6, TP Trà Vinh	3.063,70	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	09/9/2013	Khu xử lý nước	Quyết định 1670/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 ; Thửa đất số: 94; Tờ bản đồ số: 20
4	Trạm bơm số 1	Mỹ Chánh, Châu Thành	133,50	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	19/4/1995	Trạm bơm cấp 1 (giếng G1)	Quyết định số 294/QĐ-UBT ngày 19/4/1995; Thửa đất số: 74; Tờ bản đồ số: 25



				Được miễn tiền thuê đất			
5	Trạm bơm số 2	Mỹ Chánh, Châu Thành	210	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm, đã nộp tiền thuê đất tạm tính đến thời điểm CPH	19/4/1995	Trạm bơm cấp 1 (giếng G2)	Quyết định số 289/QĐ-UBT ngày 19/4/1995
6	Trạm bơm số 3	Mỹ Chánh, Châu Thành	324	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm, đã nộp tiền thuê đất tạm tính đến thời điểm CPH	19/4/1995	Trạm bơm cấp 1 (giếng G3)	Quyết định số 293/QĐ-UBT ngày 19/4/1995
7	Trạm bơm số 4	Mỹ Chánh, Châu Thành	249,30	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm, đã nộp tiền thuê đất tạm tính đến thời điểm CPH	19/4/1995	Trạm bơm cấp 1 (giếng G4)	Quyết định số 291/QĐ-UBT ngày 19/4/1995 QĐ 449/QĐ-UBND ngày 04/3/2013 Thửa đất số: 247; Tờ bản đồ số: 43
8	Trạm bơm số 5	Đa Lộc, Châu Thành	147,50	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền	09/11/2012	Trạm bơm cấp 1 (giếng G5)	Quyết định 2067/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 Thửa đất số: 70;78; Tờ bản đồ



				thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất			số: 24
9	Trạm bơm số 6	Đa Lộc, Châu Thành	643,40	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	29/10/2013	Trạm bơm cấp 1 (giếng G6)	Quyết định 2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2013 Thửa đất số: 2; Tờ bản đồ số: 26
10	Trạm bơm số 7	Đa Lộc, Châu Thành	400,30	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G7)	Quyết định số 819/QĐ-UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 45 Tờ bản đồ số: 26
11	Trạm bơm số 8	Mỹ Chánh, Châu Thành	352,80	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G8)	Quyết định số 833/QĐ-UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 35; Tờ bản đồ số: 47
12	Trạm bơm số 9	Mỹ Chánh, Châu Thành	425,50	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G9)	Quyết định số 831/QĐ-UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 66; Tờ bản đồ số: 47



13	Trạm bơm số 10	Mỹ Chánh, Châu Thành	394	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G10)	Quyết định số 829/QĐ-UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 33; Tờ bản đồ số: 50
14	Trạm bơm số 11	Mỹ Chánh, Châu Thành	443,50	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G11)	Quyết định số 827/QĐ-UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 171; Tờ bản đồ số: 50
15	Trạm bơm số 12	Mỹ Chánh, Châu Thành	686	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G12)	Quyết định số 817/QĐ-UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 501; Tờ bản đồ số: 50
16	Trạm bơm Trà Cú	Khóm 4, TT Trà Cú, Huyện Trà Cú	160,20	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 20 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	02/10/1997	Trạm bơm	Quyết định số 1234/QĐ-UBT ngày 02/10/1997 Thửa đất số: 47; Tờ bản đồ số: 7
17	Nhà máy nước Trà Cú	Xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú	1.776	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất	03/9/2013	Nhà máy nước	Quyết định 1632/QĐ-UBND ngày 03/9/2013 Thửa đất số: 2491 Tờ bản đồ số: 6
18	Trạm nước	Khóm 2, TT	617,60	Nhà nước cho thuê		Trạm bơm	



	Duyên Hải (K2)	Duyên Hải		đất. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm, đã nộp tiền thuê đất tạm tính đến thời điểm CPH			
19	Trạm nước Duyên Hải K4)	Khóm 4, TT Duyên Hải	67.3	Nhà nước cho thuê đất. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm, đã nộp tiền thuê đất tạm tính đến thời điểm CPH		Trạm bơm	
20	Nhà máy cấp nước TT Duyên Hải	Xã Long Toàn, huyện Duyên Hải	10.573	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất	18/4/2013	Nhà máy nước	Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 18/4/2013; Thửa đất số: 446; 448; 450; 451; Tờ bản đồ số: 11
21	Trạm bơm TT Cầu Ngang	Minh Thuận B, TT Cầu Ngang	464,90	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	04/9/2013	Trạm bơm	Quyết định 1640/QĐ-UBND ngày 04/9/2013; Thửa đất số: 987; Tờ bản đồ số: 13
22	Trạm nước Mỹ Long	TT MỹLong, Cầu Ngang	105	Nhà nước cho thuê đất. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm, đã nộp tiền thuê đất tạm tính đến thời điểm CPH		Trạm bơm	
23	Nhà máy nước	TT Cầu Ngang,	2.000,30	Nhà nước cho thuê đất. Hình thức trả tiền		Nhà máy nước	Công văn số 3372/UBND-NN ngày 04/12/2007



	Cầu Ngang - Mỹ Long (Trụ sở chính - giếng 1)	H.Cầu Ngang		thuê đất hàng năm, đã nộp tiền thuê đất tạm tính đến thời điểm CPH			
24	Nhà máy nước Cầu Ngang - Mỹ Long (Giếng 2)	TT Cầu Ngang, H.Cầu Ngang	241,10	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất	18/11/2010	Trạm bơm	Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 18/11/2010 Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 14/11/2011 Thửa đất số: 41; Tờ bản đồ số: 3
25	Trạm bơm Mỹ Cẩm A	Khóm Mỹ Cẩm A, TT Cầu Ngang	260,50	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	29/10/2004	Trạm bơm	Quyết định số 2254/QĐ-CTT ngày 29/10/2004 Thửa đất số: 49; Tờ bản đồ số: 8
26	Xây dựng nhà làm việc XN Quản lý Thoát nước	Khóm 4, Phường 1, TP Trà Vinh	301,30	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	20/3/2007	Nhà làm việc Xí nghiệp QL thoát nước	Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 20/3/2007 Thửa đất số: 16; Tờ bản đồ số: 17
27	Trạm cấp nước Cầu Kè	Khóm 4, TT Cầu Kè, H. Cầu Kè	867,60	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 20 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	28/4/2003	Trạm bơm	Quyết định số 604/QĐ-CTT ngày 28/4/2003 Thửa đất số: 13; Tờ bản đồ số: 21
28	Trạm cấp	Khóm 1, TT	309,10	Nhà nước cho thuê	18/11/2003	Trạm bơm	Quyết định 2423/QĐ-CTT ngày



	nước Cầu Quan	Cầu Quan, H. Tiểu Cần		đất, thời hạn 20 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất			18/11/2003 Thửa đất số: 54; Tờ bản đồ số: 20
29	Giếng khoan khai thác số 1 - Trạm nước Cầu Quan	Khóm 3, TT Cầu Quan, H. Tiểu Cần	97,20	Nhận chuyển nhượng QSDĐ	27/10/2011	Trạm bơm	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 Thửa đất số: 186; Tờ bản đồ số: 18
30	Trạm nước Tiểu Cần	TT Tiểu Cần	260,80	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	16/7/2012	Trạm bơm	Quyết định 1264/QĐ-UBND ngày 16/7/2012 Thửa đất số: 69; 68; 66; Tờ bản đồ số: 21
31	Nhà máy nước Tiểu Cần - Cầu Quan	Xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần	3.664	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất	16/01/2014	Nhà máy nước	Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 Thửa đất số: 936; Tờ bản đồ số: 6 Thửa đất số: 113; Tờ bản đồ số: 46
32	Trạm nước TT Châu Thành	Khóm 3, TT Châu Thành H. Châu Thành	110,90	Nhận chuyển nhượng QSDĐ	10/12/2008	Trạm bơm	Thửa đất số: 160; 178 Tờ bản đồ số: 10



	Tổng diện tích (m²):	36.671,50				
--	--	------------------	--	--	--	--

Nguồn: Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh.



2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Sơ đồ tổ chức các bộ phận trong công ty.

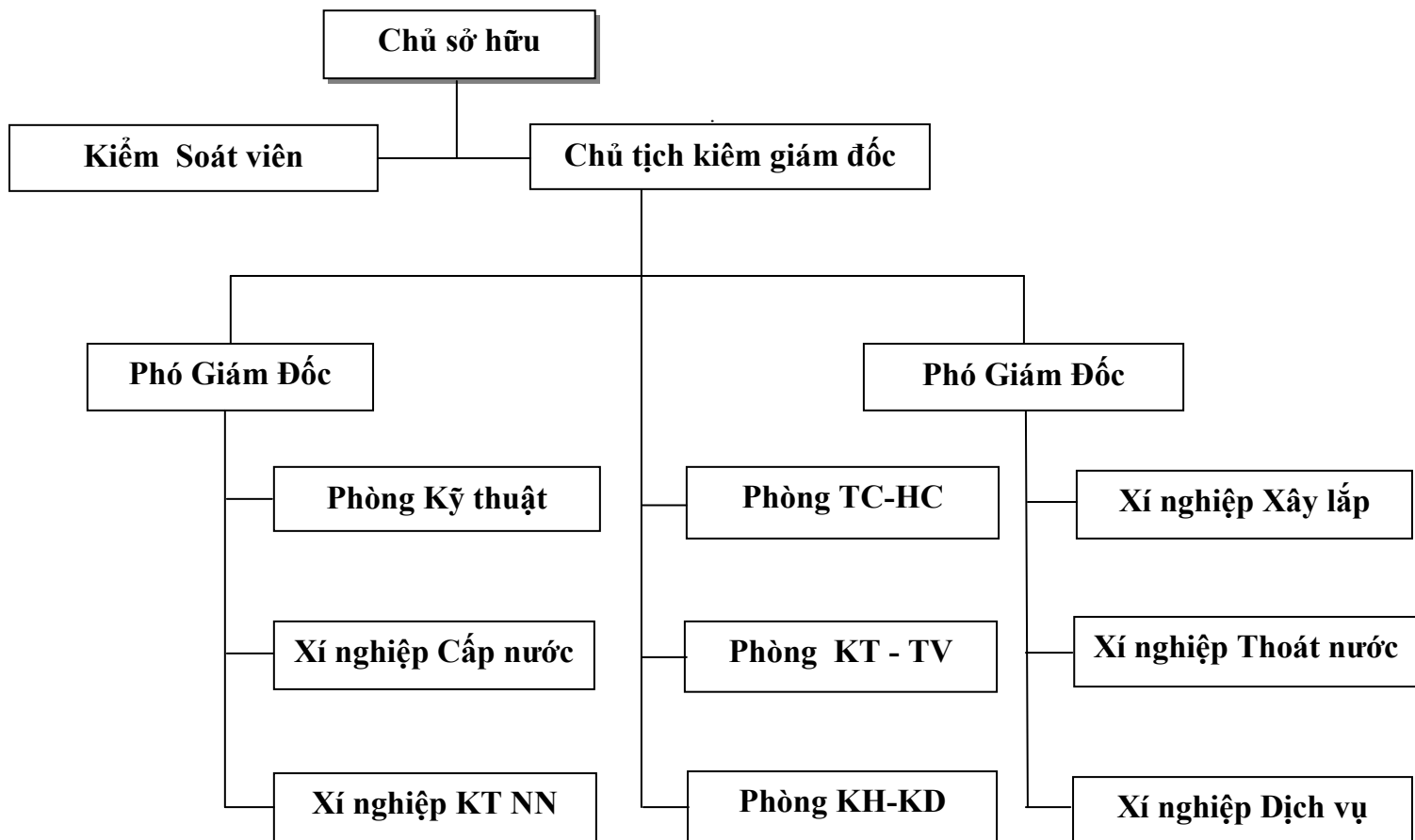
Mô hình Công ty TNHH MTV: Chủ tịch kiêm giám đốc công ty.

Kiểm soát viên.

Các phó giám đốc công ty, kế toán trưởng và các phòng, ban, xí nghiệp trực thuộc gồm.

- + Phòng Tổ chức -Hành chính.
- + Phòng Kỹ thuật.
- + Phòng Kế toán -Tài vụ.
- + Phòng Kế hoạch -Kinh doanh.
- + Xí nghiệp Cấp nước.
- + Xí nghiệp Xây lắp.
- + Xí nghiệp Dịch vụ
- + Xí nghiệp khai thác nước ngầm.
- + Xí nghiệp quản lý Thoát nước.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH





2.2. Chức năng các phòng ban

Phòng Tổ chức - Hành chính

*** Chức năng:**

Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, có chức năng tham mưu về quản lý lao động tiền lương, tổ chức nhân sự và quản lý hành chính xây dựng và thực hiện các quy trình quản lý các lĩnh vực trên cho ban lãnh đạo đơn vị.

*** Nhiệm vụ:**

- Thực hiện chính sách quản lý nguồn nhân lực về các lĩnh vực như định biên lao động, tuyển dụng nhân lực, trình độ cán bộ công nhân viên; xây dựng các quy định về thực hiện nội quy, kỷ luật lao động.
- Theo dõi, nhận xét đánh giá về năng lực, nghiên cứu và đề xuất các phương án tổ chức quản lý phù hợp nhằm phát huy hiệu quả hoạt động chung.
- Tham gia giám sát, theo dõi, đánh giá thực hiện quy chế dân chủ ở doanh nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch tiền lương trên cơ sở kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của công ty.
- Xây dựng, quản lý chính sách trả lương phù hợp với quy định của pháp luật, thỏa đáng, công bằng và khuyến khích người lao động.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc công ty xây dựng định mức, đơn giá tiền lương đối với các hoạt động cấp nước, thoát nước, xây lắp, dịch vụ...
- Quản lý theo dõi sử dụng phương tiện phục vụ công, máy móc thiết bị, công cụ phục vụ cho làm việc và sinh hoạt trong toàn công ty.
- Lập hồ sơ theo dõi tài sản thuộc quyền quản lý và thực hiện tốt chế độ kiểm kê, xử lý theo quy định.
- Lập kế hoạch, thực hiện bảo trì bảo dưỡng tài sản văn phòng, các trạm theo định kỳ.
- Tổ chức thực hiện và quản lý các văn bản đi, các văn bản đến theo đúng chế độ quy định của công tác văn thư.
- Hướng dẫn thể thức văn bản theo đúng quy định hiện hành.
- Thực hiện quản lý các công việc nghiệp vụ văn phòng theo quy định như: Sao lưu công văn, quản lý con dấu, bảo vệ cơ quan, lưu trữ hồ sơ, khánh tiết...
- Tham gia thực hiện kế hoạch, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định liên quan đến các hoạt động của công ty.
- Theo dõi kiểm tra giám sát các quy trình, quy định quản lý.
- Nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của công ty.
- Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả các hoạt động của cán bộ lãnh đạo chủ chốt của công ty.
- Quản lý hệ thống thông tin quản lý MIS toàn công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Phòng Kỹ thuật

*** Chức năng:**



Phòng Kỹ thuật là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, có chức năng tham mưu về quản lý kỹ thuật, thiết kế, quản lý hồ sơ tài sản, quản lý đầu tư phát triển. Xây dựng, quản lý thực hiện các quy trình chuẩn, thực hiện quản lý chất lượng và hệ thống thông tin quản lý nội bộ.

*** Nhiệm vụ:**

- Thiết kế các công trình cấp thoát nước, xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Tham gia xây dựng, theo dõi quản lý thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật của công ty;
- Quản lý chất lượng nước thô và nước sạch sau xử lý; chất lượng kiểm định, thay thế sửa chữa đồng hồ nước lạnh; kiểm tra hồ sơ quyết toán các công trình XDCB, chất lượng vật tư máy móc, thiết bị;
- Giám sát nghiệm thu khối lượng, chất lượng xây lắp, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng;
- Quản lý hồ sơ tài sản của công ty theo chương trình quản lý của dự án tài trợ, cập nhật thông tin dữ liệu tài sản, kiểm tra báo cáo;
- Tham mưu trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý về đầu tư xây dựng của công ty;
- Đề xuất xây dựng định hướng phát triển ngành cấp thoát nước, đầu tư cải tạo, phát triển mở rộng hệ thống, các dự án đầu tư mới cấp thoát nước;
- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phòng Kế toán - Tài vụ

*** Chức năng:**

Phòng Kế toán tài vụ là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, có chức năng tham mưu trong lĩnh vực kế toán tài chính, bao gồm:

- Quản lý tài chính đúng pháp luật về các quy định của Luật kế toán.
- Giám sát thực hiện công tác quản lý tài sản, vật tư, máy móc thiết bị, phương tiện công cụ phục vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thu chi theo kế hoạch phù hợp với quy định của Luật kế toán.
- Hạch toán kế toán thống kê toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, xây dựng giá thành sản phẩm, đánh giá phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.

*** Nhiệm vụ:**

- Ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn của công ty.
- Tuân thủ thực hiện quy chế quản lý tài chính nội bộ và cơ chế quản lý tài chính của Nhà nước.
- Cập nhật, tham mưu cho công ty áp dụng các chính sách thay đổi về quản lý tài chính, tiền tệ để kịp thời áp dụng, điều chỉnh trong quản lý tài chính doanh nghiệp.



- Cung cấp các thông tin theo yêu cầu của giám đốc công ty để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế tài chính, báo cáo nội bộ và cho các cơ quan theo chế độ báo cáo tài chính, kế toán hiện hành.
- Lập kế hoạch chiến lược tài chính dài hạn, kế hoạch năm, theo yêu cầu phát triển công ty về lĩnh vực tài chính, theo dõi thực hiện và điều chỉnh cho phù hợp các phát sinh chi phí, nguồn vốn.
- Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định quản lý tài chính và chế độ tài chính. Thực hiện dự toán thu chi hằng năm, chế độ chi trả cho người lao động, chế độ quản lý tài sản, các quy định về công nợ, xử lý mất mát, hư hỏng, thiếu hụt tài sản.
- Bảo quản tiền mặt và các chứng chỉ, hiện vật có giá trị như tiền (Công trái, vàng, đá quý).
- Phát hành và lưu chuyển các chứng từ kế toán theo qui định.
- Thực hiện đầy đủ công tác kế toán, lưu trữ chứng từ, sổ sách, tài liệu kế toán theo qui định nhà nước.

Phòng Kế hoạch -Kinh doanh

*** Chức năng:**

Phòng Kế hoạch – kinh doanh là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, có chức năng tham mưu trong 02 lĩnh vực chủ yếu: Lập kế hoạch phát triển công ty, theo dõi thực hiện và quản lý kinh doanh.

*** Nhiệm vụ:**

- Xây dựng kế hoạch sản xuất -kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của toàn công ty gồm các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tài chính, lao động, xây dựng đầu tư, các hoạt động khác.
- Xây dựng phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc.
- Cân đối lượng hàng hoá để thực hiện lập kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị hàng hóa phục vụ đầu tư có chất lượng và hiệu quả.
- Dự báo, xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển công ty.
- Tổ chức quản lý công tác thông tin kinh tế, báo cáo thống kê tổng hợp thường xuyên theo định kỳ, đột xuất theo quy định.
- Tham mưu cho giám đốc về quản lý thực hiện các hoạt động kinh doanh nước sạch, xây lắp, lĩnh vực dịch vụ cấp thoát nước, kinh doanh khác.
- Quản lý doanh thu và tiêu thụ nước sạch như ghi chỉ số tiêu thụ, phát hành hóa đơn, thu tiền nước, quản lý khách hàng tiêu thụ nước máy.
- Quản lý cung ứng vật tư thiết bị theo quy định của công ty.
- Tham gia xây dựng, lập định mức kinh tế kỹ thuật để quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Tiếp nhận và giải quyết các thông tin có liên quan đến khách hàng thuộc phạm vi quản lý của phòng.
- Đảm bảo bí mật các thông tin kinh tế đối với những người không có trách nhiệm để tránh thiệt hại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.



Xí nghiệp cấp nước

*** Chức năng:**

Xí nghiệp cấp nước là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, có chức năng tham mưu về tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch trong phạm vi thành phố Trà Vinh và các thị trấn trong toàn tỉnh.

*** Nhiệm vụ:**

- Phân công, tổ chức, điều hành sản xuất theo kế hoạch được giao, đảm bảo lưu lượng, chất lượng nước sạch.
- Quản lý thực hiện đúng các định mức kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm điện vật tư trong sản xuất.
- Xây dựng lịch vận hành phù hợp với yêu cầu cung cấp nước trong ngày đáp ứng yêu cầu sử dụng của khách hàng.
- Thực hiện đúng quy định quản lý kỹ thuật vận hành do công ty ban hành.
- Tổ chức quản lý điều hành mọi hoạt động tại các nhà máy - trạm cấp nước thuộc phạm vi quản lý của công ty bao gồm cả sản xuất, phát triển khách hàng, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng toàn bộ thiết bị máy móc định kỳ và đột xuất.
- Xây dựng thực hiện các quy trình quản lý chuẩn hệ thống chất lượng trong xí nghiệp.
- Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, hàng năm lập kế hoạch đầu tư mua sắm, thay thế máy móc thiết bị công nghệ mới vào sản xuất nhằm giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh tế.

Xí nghiệp xây lắp

*** Chức năng:**

Xí nghiệp xây lắp là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, có chức năng xây lắp các công trình cấp thoát nước nội bộ và bên ngoài công ty. Xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

*** Nhiệm vụ:**

- Triển khai xây lắp các công trình cấp thoát nước nội bộ và bên ngoài theo kế hoạch giao.
- Tìm kiếm công việc, mở rộng phạm vi xây lắp ở bên ngoài công ty theo chức năng và năng lực quản lý của đơn vị.
- Xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp do Công ty làm chủ đầu tư và các đơn vị bên ngoài làm chủ đầu tư .
- Bảo tồn và phát huy có hiệu quả nguồn vốn Công ty đã trang bị;
- Nghiên cứu và đề xuất những vấn đề bất cập trong các định mức kỹ thuật cho các công trình nội bộ, các quy trình về an toàn lao động và bệnh nghề nghiệp, và các qui trình chuẩn khác.

- Tự tổ chức tìm kiếm khách hàng bên ngoài Công ty, ngoài tỉnh về lĩnh vực xây lắp các công trình cấp thoát nước, công trình công nghiệp, dân dụng và các dịch vụ cấp thoát nước.
- Quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả các tài sản cố định, công cụ lao động do công ty trang bị.
- Theo dõi và tổ chức quản lý công nhân và người lao động toàn bộ nhân viên trong xí nghiệp một cách khoa học, có hiệu quả và đúng luật.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh tháng, quý, năm sát với tình hình thực tế.
- Thực hiện chế độ báo cáo và quản lý theo hệ thống MIS do công ty thống nhất hướng dẫn.

Xí nghiệp Dịch vụ

*** Chức năng:**

Xí nghiệp dịch vụ là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, có chức năng sau:

- Tham mưu cho Giám đốc công ty về chính sách quản lý và thực hiện các chương trình phòng, chống thất thoát nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ chống thất thoát nước theo kế hoạch đề ra. Nghiên cứu, đề xuất cho Giám đốc công ty ứng dụng các tiên bộ khoa học, công nghệ, thiết bị quản lý chống thất thoát.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về chính sách quản lý và thực hiện các chương trình quản lý khách hàng trong toàn công ty (bao gồm cả công tác kiểm tra và dịch vụ chăm sóc khách hàng), đề xuất những thay đổi cần thiết để cải tiến công tác quản lý khách hàng nhằm đạt mục tiêu kinh doanh của công ty.
- Nghiên cứu áp dụng công nghệ thiết bị sử dụng trong công tác kiểm soát chống thất thoát nước.
- Tham mưu và tổ chức thực hiện dịch vụ cấp nước sau đồng hồ và các dịch vụ khác.
- Đề xuất hoặc thực hiện sáng kiến cải tiến kỹ thuật ứng dụng trong công tác phòng, chống thất thoát.

*** Nhiệm vụ:**

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các qui trình tác nghiệp chuẩn để thực hiện các nhiệm vụ được giao và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành theo qui định có liên quan.
- Xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn cho chương trình giảm thất thoát nước.
- Quản lý mạng lưới, kiểm soát toàn bộ hoạt động chung của hệ thống, tìm kiếm các điểm rò rỉ trên các tuyến truyền tải, phân phối, ống nhánh của toàn bộ các nhà máy nước, trạm cấp nước trong toàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý của công ty.



- Quản lý khu vực, theo dõi tìm nguyên nhân thất thoát nước để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa đường ống, máy móc thiết bị, kiểm định, sửa chữa thay thế đồng hồ.
- Thực hiện kiểm tra định kỳ, thường xuyên, đột xuất khách hàng để kịp thời phát hiện các sai sót từ phía nội bộ công ty, từ khách hàng do sử dụng nước. Kịp thời chấn chỉnh, xử lý và đề xuất các giải pháp đề tăng cường hiệu lực quản lý và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra và phân loại mục đích sử dụng nước của khách hàng.
- Giám sát thực hiện các vấn đề liên quan đến vật tư thiết bị, chất lượng nước, lắp đặt, sửa chữa, ghi thu và các dịch vụ khác. Tham gia xử lý các vi phạm, khiếu nại có liên quan đến khách hàng.
- Điều tra, khảo sát và phân loại khách hàng theo từng khu vực.
- Khảo sát sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ của công ty. Kế hoạch quảng bá hình ảnh, sản phẩm dịch vụ của công ty.
- Quản lý tài sản, máy móc thiết bị được giao đạt hiệu quả cao nhất.
- Quản lý, điều động, sắp xếp cho nhân viên thuộc quyền quản lý và đánh giá hoạt động của các nhân viên.
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị trực thuộc công ty để cập nhật thông tin cần thiết về chống thất thoát nước và quản lý khách hàng.
- Thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng và hệ thống thông tin quản lý MIS.
- Thực hiện các báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình chống thất thoát nước, quản lý khách hàng của công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban giám đốc phân công.

Xí nghiệp Khai thác NN

*** Chức năng:**

- Quản lý, triển khai thực hiện toàn bộ các hoạt động về khai thác nước ngầm theo quy định hiện hành: Nghị định 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 07 năm 2004 của Chính Phủ, và Thông tư 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 06 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định 149/2004/NĐ-CP, về việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;
- Quản lý điều hành hoạt động sản xuất các Trạm bơm khai thác nước ngầm tại 02 xã Đa Lộc và Mỹ Chánh thuộc huyện Châu Thành;
- Quản lý kỹ thuật và pháp lý toàn bộ các giếng khoan khai thác nước ngầm do Công ty đang quản lý khai thác ở các Nhà máy, Trạm cấp nước trong toàn tỉnh.

*** Nhiệm vụ:**

- Phối hợp tốt với các phòng, Xí nghiệp liên quan để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất hàng năm của lãnh đạo Công ty giao;



- Tổ chức và điều phối có hiệu quả tình hình sản xuất của 12 Trạm bơm (13 giếng khoan) tại 02 xã Đa Lộc và Mỹ Chánh thuộc huyện Châu Thành;
- Thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động của các giếng khoan, máy móc, trang thiết bị, tham mưu đề xuất mua sắm dự phòng và có kế hoạch thay thế kịp thời đảm bảo sản xuất liên tục;
- Quản lý kỹ thuật toàn bộ giếng khoan, diễn biến nguồn nước ngầm đang khai thác như: lưu lượng, chất lượng, mực nước tĩnh, mực nước động . . . ;
- Quản lý pháp lý toàn bộ giếng khoan như: Lập các thủ tục xin phép khai thác, theo dõi thời gian, gia hạn các giấy phép khai thác;
- Làm các báo cáo cho các cơ quan chức năng liên quan, và các báo cáo theo quy định của Công ty;
- Theo dõi hiện trạng tình hình khai thác nước ngầm, tham mưu đề xuất hướng khai thác sử dụng trong tương lai;
- Lập các quy trình, quy định liên quan đến hoạt động của Xí nghiệp;
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty.

Xí nghiệp quản lý Thoát nước

*** Chức năng:**

- Xí nghiệp quản lý thoát nước chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thu gom nước mưa và nước thải cũng như hệ thống xử lý nước thải của toàn thành phố, bao gồm việc lập kế hoạch, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các tài sản công trình theo các nhiệm vụ và trách nhiệm theo đúng hợp đồng quản lý vận hành, làm các dịch vụ thoát nước và xử lý khai thác các sản phẩm từ nước thải.
- Nghiên cứu và đề xuất các vấn đề về quản lý nước thải thông qua việc áp dụng các định mức kỹ thuật và các quy trình về an toàn lao động và bệnh nghề nghiệp.

*** Nhiệm vụ:**

- Thực hiện các nhiệm vụ vận hành và bảo dưỡng theo đúng các kế hoạch và các quy trình tác nghiệp chuẩn được duyệt.
- Thực hiện các dịch vụ thoát nước và xử lý khai thác các sản phẩm từ nước thải.
- Thực hiện các dịch vụ thoát nước cộng đồng bao gồm khu dân cư quan, trường học...
- Xử lý các diêm ngập úng.
- Tổng hợp các dữ liệu về các tài sản di động và cố định, vận hành và bảo dưỡng các tài sản đó; phối hợp tiếp nhận, bàn giao các tài sản mới đầu tư liên quan đến hệ thống thoát nước.
- Theo dõi và quản lý toàn bộ nhân viên làm việc trong đơn vị xí nghiệp.
- Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật, Phòng Kế toán - Tài vụ và các phòng, ban đơn vị khác có liên quan trong việc rà soát điều chỉnh các quy trình tác nghiệp chuẩn, các định mức, đơn giá, kế hoạch hàng năm và ngân sách vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế tài sản, quản



lý kỹ thuật các xe, máy và thiết bị chuyên dùng sử dụng cho các hoạt động thoát nước của Công ty.

- Quản lý các trang thiết bị thoát nước do Công ty giao.
- Phối hợp với Phòng Kỹ thuật cải tiến các thiết bị dụng cụ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, năng suất lao động và chất lượng công trình.
- Thực hiện và theo dõi hiệu quả hoạt động, định kỳ rà soát các quy trình tác nghiệp chuẩn.
- Quản lý chất lượng nước thải: lấy mẫu nước thải, đánh giá chất lượng nước thải, đề xuất các giải pháp xử lý.
- Hợp tác với Sở Tài nguyên Môi trường về việc giám sát các nguồn nước thải trực tiếp và gián tiếp.
- Chất lượng nước thải đạt theo tiêu chuẩn nước quy định.

3. Tình hình lao động

Vào thời điểm phê duyệt GTDN ngày 13/11/2015, tổng số lao động tại Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh là **228** người, phân loại như sau:

a) Phân loại lao động theo trình độ

Số liệu lấy từ ngày 13/11/2015: 228 người

STT	Trình độ	Tổng số người			Tỷ lệ (%)
		Nam	Nữ	Tổng	
1	Trên đại học	1		1	0.44
2	Đại học	37	19	56	24.56
3	Cao đẳng	6	2	8	3.51
4	Trung cấp	56	3	59	25.88
5	Công nhân kỹ thuật	79	1	80	35.09
6	Lao động phổ thông + sơ cấp	21	3	24	10.53
	Tổng cộng	200	28	228	100

Nguồn : Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh.

b) Thực trạng lao động tại doanh nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN cổ phần hóa.	228	



STT	Nội dung	Tổng số	ghi chú
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	04	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	224	
	<i>a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn</i>	218	
	<i>b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng</i>	6	
	<i>c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng</i>	0	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	0	
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố GTDN	27	
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ	0	
	<i>a) Hết hạn HĐLĐ</i>	0	
	<i>b) Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ</i>	0	
	<i>c) Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật</i>	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố GTDN cổ phần hoá, chia ra:	27	
	<i>a) Số lao động thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP</i>	20	
	<i>b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm</i>	06	
	<i>c) Nghị theo nghị định 108/2014/NĐ - CP</i>	1	
III	Số lao động còn hạn HĐLĐ sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	201	
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	199	



STT	Nội dung	Tổng số	ghi chú
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	2	
	a) Ốm đau	1	
	b) Thai sản	1	
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
3	Số lao động đang tạm hoãn HĐLĐ, chia ra:	0	
	a) Nghĩa vụ quân sự	0	
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0	
	d) Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)	0	

Nguồn : Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh.

c) Phân loại theo chức năng phòng ban

STT	Phòng ban	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Viên chức quản lý	04	1.75
2	Phòng TC - HC	12	5.26
3	Phòng Kỹ thuật	18	7.89
4	Phòng KH – KD	28	12.28
5	Phòng Kế toán – Tài vụ	09	3.95
6	Xí nghiệp Dịch vụ	37	16.23
7	Xí nghiệp Cấp nước	23	10.09
8	Xí nghiệp quản QL Thoát nước	17	7.45
9	Xí nghiệp Xây lắp	16	7.02
10	Chi nhánh CN Cầu Ngang-Trà Cú	18	7.89
11	Chi nhánh CN Tiểu Cần-Cầu Kè	14	6.14

Nguồn : Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh.



4. Các tổ chức đoàn thể công ty

- **Tổ chức Đảng:** Đảng ủy Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh trực thuộc Đảng bộ Khối doanh nghiệp Trà Vinh: Gồm 03 Chi bộ trực thuộc, 63 đảng viên.
- **Công đoàn cơ sở Công ty trực thuộc Liên đoàn lao động tỉnh Trà Vinh:** gồm 8 tổ công đoàn trực thuộc; 228 Đoàn viên Công đoàn.
- **Đoàn thanh niên CS HCM Công ty trực thuộc Đoàn Khối cơ quan tỉnh Trà Vinh:** Gồm 3 chi đoàn trực thuộc, 88 Đoàn viên thanh niên.

5. Tình hình kinh doanh trước khi cổ phần hoá

5.1. Tình hình sản xuất kinh doanh qua các năm

Sản phẩm dịch vụ của Công ty là một trong những sản phẩm thiết yếu không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của con người, do đó nhu cầu tiêu thụ tiêu dùng luôn ở mức cao.

Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trước hết là phải phục vụ tốt, nước phải được cung cấp đầy đủ cho khách hàng 24/24h trong ngày với áp lực và chất lượng tốt nhất. Khi mất điện, hệ thống máy phát dự phòng của Công ty sẽ đảm bảo các nhà máy nước hoạt động.

Chi tiết sản lượng tiêu thụ và doanh thu qua các năm như sau:

Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận toàn Công ty qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.036.934	7.767.678	8.186.086
Số hộ đầu nối	Hộ	32.523	33.730	35.526
Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	51.600,497	55.284,207	57.188,881
1/ Tổng doanh thu	Triệu đồng	50.336,224	54.015,076	56.089,111
- Doanh thu nước máy	Triệu đồng	41.783,749	47.312,145	48.523,117
- Doanh thu xây lắp	Triệu đồng	2.996,149	1.588,692	2.400,245
- Doanh thu thoát nước	Triệu đồng	5.200,106	4.700,000	4.698,382
- Doanh thu khác	Triệu đồng	356,220	414,239	467,367
2/ Thu tài chính	Triệu đồng	78,597	75,879	190,546
3/ Thu nhập khác	Triệu đồng	1.185,676	1.193,252	909,223
Giá vốn hàng hóa	Triệu đồng	32.838,225	34.360,023	36.342,250
Chi phí tài chính	Triệu đồng	533,356	402,095	1.227,175
Chi bán hàng	Triệu đồng	6.814,655	8.067,848	5.840,505



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Chi phí doanh nghiệp	Triệu đồng	7.523,967	8.693,387	9.126,357
Chi phí khác	Triệu đồng	491,452	259,417	350,307
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.398,842	3.501,436	4.302,286
Tỷ lệ lợi nhuận				
Sản xuất nước	%	108,5	47,6	50,59
Hoạt động khác	%	0	52,4	49,41

(Theo báo cáo đã được kiểm toán (chỉ tính cho từng năm cụ thể, không tính phần điều chỉnh của năm khác vào)

5.2. Tình hình thực hiện các dự án đang triển khai

Tính tới thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh có các dự án đầu tư đang triển khai thực hiện với tổng mức đầu tư là 291.102 triệu đồng và dự định nghiệm thu vào những năm trong tương lai; Chi tiết các dự án như sau:

TT	Tên dự án	Địa điểm Xây dựng	Tổng vốn Đầu tư (triệu)	Công suất (m ³)	Ghi chú
1	Hệ thống cấp nước đô thị Tiểu Cần – Cầu Quan, huyện Tiểu Cần	Xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần	64.107	2.900m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng Quý IV năm 2015
2	Nhà máy cấp nước TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Dự án lập lại)	Áp Long Thạnh, xã Long Toàn, huyện DH	152.613	9.600m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2016
3	Dự án nâng công suất nhà máy cấp nước TP Trà Vinh từ 23.000 lên 25.500 m ³ /ngày đêm	TT Châu Thành, huyện Châu Thành	7.504	23.000 lên 25.500 m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2016
4	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú	Áp Xoài Thum, xã Ngãi Xuyên	34.418	2.600m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2016
5	Đầu tư cấp nước cho	TT Cầu Kè,	29.960	2.400m ³ /ngày	Nghiệm thu



	một phần xã Hòa Tân, xã Châu Điền & TT Cầu Kè, huyện Cầu Kè	huyện Cầu Kè		đêm	đưa vào sử dụng năm 2017
6	Hệ thống xử lý nước thải rửa lọc nhà máy nước Trà Vinh	Khuôn viên Công ty	2.500	10.000m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2015

5.3. Tình hình thực hiện đầu tư tài chính

✚ Đầu tư tài chính ngắn hạn đến ngày 31/12/2014

- ✚ Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 1 năm: 311.347.565 đồng. Tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương – Chi nhánh Trà Vinh.

✚ Đầu tư tài chính dài hạn

Tính đến thời điểm 13/11/2015 có quyết định thông qua GTDN khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.

Stt	Tên Công ty	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
I.	Đầu tư vào Công ty con	0	
1	Không	0	
II.	Đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000	
1		3.000.000.000	
	Tổng	3.000.000.000	

✚ Các chỉ số tài chính

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	122.643.635.137	145.723.778.554	225.583.711.616
2	Vốn CSH	107.616.693.340	106.343.128.576	126.645.914.187
3	Doanh thu thuần	50.345.113.601	54.015.076.240	56.089.111.240



4	Lợi nhuận trước thuế	3.586.053.662	3.501.436.341	4.302.286.174
5	Lợi nhuận sau thuế	2.936.833.343	2.572.376.349	2.496.885.440

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2012, 2013, 2014 đã qua kiểm toán của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh)

Ghi chú: Lợi nhuận trước thuế năm 2012 có phần điều chỉnh lợi nhuận tăng thêm năm 2011: 187.210.915 đồng theo kết luận của kiểm toán nhà nước.

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:				
Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,63	2,67	1,71
Hệ số thanh toán nhanh:				
<i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,03	2,23	1,25
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
Hệ số Nợ dài hạn/Tổng tài sản	%	3,53	16,43	36,52
Hệ số Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	12,25	27,02	43,86
Tỷ lệ Nợ dài hạn/Vốn CSH	%	4,03	22,52	65,05
Hệ số Nợ phải trả/ Vốn CSH	%	13,96	37,03	78,12
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,41	0,37	0,25
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				
Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	5,83	4,76	4,45
Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	2,73	2,42	1,97
Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,39	1,77	1,11
Hệ số: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,43	4,75	6,67

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2012, 2013, 2014 và tại thời điểm xác định GTDN đã qua kiểm toán của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh)



6. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2014 và đến thời điểm xác định GTDN

6.1 Thuận lợi

**Bên trong:*

Tập thể CBCNV Công ty kế thừa luôn đoàn kết nhất trí, gắn bó với nghề nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác, được trải nghiệm qua thực tế nhiều năm qua.

Nhiệm vụ kinh doanh dịch vụ chuyên ngành, các sản phẩm hoạt động công ích ngày càng được nâng cao, cải thiện, máy móc thiết bị được đầu tư sửa chữa nâng cấp giải quyết tốt vấn đề cung cấp nước

Ứng dụng khoa học công nghệ thiết bị Kỹ thuật đầu tư để nâng cao hiệu quả sản xuất và hiệu quả quản lý doanh nghiệp.

Hệ thống các qui chế, quy định, quy trình quản lý đã ban hành là cơ sở pháp lý để thực hiện đúng yêu cầu quản lý theo qui định của pháp luật, phù hợp với tình hình của công ty, đem lại hiệu quả trong quản lý doanh nghiệp.

**Bên ngoài:*

Quy hoạch phát triển đô thị tại Trà Vinh trong thời gian qua có nhiều thay đổi, đặc biệt sẽ thay đổi nhanh chóng trong thời gian tới. Tỷ lệ đô thị hóa cho thấy dân số đô thị thành phố Trà Vinh tới năm 2020 sẽ vào khoảng 360.000 – 400.000 người. Theo quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 4 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, trong thời gian tới, nhiều khu đô thị, khu công nghiệp tại thành phố đã và đang được thành lập sẽ làm tăng nhanh chóng dân số đô thị, kéo theo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ tăng.

Công ty được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành của tỉnh và chính quyền các địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Công ty.

Đã tranh thủ sự ủng hộ của các ngành trung ương tìm kiếm được nhiều nguồn vốn đầu tư để đầu tư xây dựng nâng cấp các nhà máy cấp nước ở các đô thị.

6.2 Khó khăn

**Bên trong:*

Cơ sở vật chất kỹ thuật một số nhà máy cấp nước còn yếu, công nghệ lạc hậu, công ty đang từng bước đầu tư để nâng công suất nhà máy cũng như cơ sở vật chất kỹ thuật khác. Nhà máy nước thành phố Trà Vinh hoạt động hết công suất sản lượng nước thô đầu nguồn vẫn không đủ nhu cầu để cung cấp cho khách hàng vào các giờ cao điểm, những khu vực ở cuối nguồn bị thiếu nước thường xuyên. Đang chuẩn bị Dự án đầu tư mới nâng công suất nhà máy sẽ triển khai thực hiện vào tháng 1/2016.

Mạng lưới tuyến ống còn bất lợi như: còn một số tuyến ống cũ chưa được thay thế đang tiềm ẩn nhiều rủi ro; hệ thống mạng phân phối còn nhiều chỗ chưa hợp lý về kỹ thuật; hệ thống van chặn tuyến chưa được được thay thế và cải tạo nên khi xảy ra sự cố phải ngừng hoạt động toàn bộ nhà máy để khắc phục, ảnh hưởng không nhỏ đến cung cấp nước và hoạt động sản xuất kinh doanh.

***Bên ngoài:**

Sự gia tăng giá cả vật tư nguyên vật liệu, hóa chất, đặc biệt là giá điện (là chi phí nguyên vật liệu chính trong sản xuất nước sạch),... ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sản lượng nước ngầm ngày càng có chiều hướng sụt giảm, tăng chi phí sản xuất, do lượng điện sản xuất tăng, có những biện động tăng các yếu tố chất lượng nước thô tăng chi phí xử lý.

Việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng chính trang đô thị, mở rộng lộ giới, xây dựng mạng lưới thoát nước triển khai rộng, nhưng chủ đầu tư không có dự trù kinh phí di dời công trình ngầm, nên công tác sửa chữa duy trì hệ thống cấp nước luôn bị động vì vậy thường xuyên gây bể ống làm tăng chi phí sửa chữa và tỷ lệ thất thoát cho phía Công ty.

Nguồn nhân lực còn thiếu và năng lực quản lý còn hạn chế ở một số bộ phận quản lý.

7. Công nghệ, thiết bị và cơ sở hạ tầng, năng lực sản xuất

7.1. Trình độ công nghệ

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh được thành lập từ khi tái lập tỉnh đến nay. Trên 20 năm hoạt động, cùng với việc phát triển kinh tế, và tốc độ phát triển đô thị của địa phương, Công ty đã đầu tư xây dựng các công trình cấp nước bằng nhiều nguồn vốn, như nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA) của Chính phủ, vốn ngân sách địa phương và vốn tự có của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu nước sạch cho sản xuất và đời sống, cho nhân dân khu vực nội ô, ngoại vi thành phố Trà Vinh và các thị trấn trong toàn tỉnh.

Công ty không ngừng đầu tư phát triển cả về công suất cũng như phạm vi hoạt động, nâng cao năng lực quản lý... đã góp phần không nhỏ làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Công suất cấp nước của Công ty đã tăng trưởng mạnh, từ hơn 5.000 m³ ngày/đêm năm 1993 đã tăng lên gần 30.000 m³ ngày/đêm vào năm 2014. Độ bao phủ cấp nước từ 30% vào đầu những năm 1990 đã tăng gần 95% năm 2014, đặc biệt tỷ lệ thất thoát giảm nhiều trong những năm gần đây, hệ thống quản lý điều hành được chú trọng ngày càng hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Nhằm tạo điều kiện cho lĩnh vực cấp nước phát triển đồng bộ với nền kinh tế phát triển đô thị, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, luôn quan tâm công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ cũng được chú trọng đầu tư phát triển trong những năm gần đây. Công ty đã triển khai những đề tài cải tiến công nghệ, các sáng kiến cải tiến kỹ



thuật, hoàn thiện đầu tư quản lý vận hành chống thất thoát nước, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn để nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ và hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

7.2. Triển vọng phát triển

Xét trên bình diện toàn tỉnh thì Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh là Doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Nước sạch là loại hàng hoá mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm sản xuất ra được nhân dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Cũng do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nên chất lượng dịch vụ luôn được đặt lên hàng đầu. Ban giám đốc Công ty luôn quan tâm chỉ đạo có hiệu quả. Vì thế chất lượng các hoạt động công ích của công ty ngày càng được nâng cao nên công ty ngày càng được khách hàng tin tưởng và ủng hộ. Đây là yếu tố rất thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần tự hạch toán thu chi, lãi, lỗ.

Căn cứ vào định hướng phát triển của Thành phố theo Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2012 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, quy mô đô thị loại II đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trong đó Cấp nước:

- + Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt đô thị: 150 lít/người/ngày;
- + Chỉ tiêu cấp nước công nghiệp: 25 - 45 m³/ha.

Nước sạch là thứ hàng hoá không thể thiếu với tất cả mọi người, mọi ngành. Khi nền kinh tế ngày càng phát triển thì yêu cầu, đòi hỏi về vấn đề nước sạch ngày càng cao. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, đây là lĩnh vực mà cả Chính phủ, người dân và thế giới nói chung quan tâm. Hiện nay có rất nhiều dự án tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội, do vậy triển vọng phát triển của Công ty là rất lớn.

8. Giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh

Căn cứ kết quả xác định GTDN theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thông qua giá trị doanh nghiệp CPH của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh:

1. Giá trị thực tế của Công ty: **224.049.792.345** đồng
2. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **125.111.994.916** đồng
3. Tài sản không đưa vào CPH: **7.045.707.625** đồng



PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

I. Căn cứ pháp lý

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định số 189/ 2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần ban hành ngày 20/11/2013 có hiệu lực ngày 15/01/2014;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ CPH của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định GTDN thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17/11/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn kế toán khi chuyển đổi DNNN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định 817/QĐ-BLĐTBXH ngày 28/5/2013 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc đính chính thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 07 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm CSH;
- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP;
- Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính Phủ quy định về chính sách tinh giản biên chế;
- Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-UBND về việc CPH Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh của UBND tỉnh Trà Vinh ngày 13 tháng 5 năm 2014;
- Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ--UBND, ngày 25 tháng 06 năm 2014 về việc thành lập Ban chỉ đạo CPH Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh ;



- Căn cứ theo Biên bản xác định GTDN được tổ chức tư vấn xác định doanh nghiệp là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 24 tháng 9 năm 2015;
- Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thông qua giá trị doanh nghiệp CPH của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh;
- Căn cứ tình hình thực tế và đặc thù của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh cũng như thu hút đầu tư của các doanh nghiệp CPH hiện tại.

II. Mục tiêu CPH

Mục tiêu của việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh theo chủ trương của Chính phủ được nêu trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP như sau:

Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.

Huy động vốn nhân rộng của CBCNV trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng năng lực sản xuất kinh doanh, hiệu quả kinh tế và phát triển ổn định bền vững.

Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

Tăng cường tính giám sát không chỉ từ phía Nhà nước mà còn từ phía các nhà đầu tư là các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông nước ngoài (nếu có) đối với các hoạt động và phát triển, giúp nâng cao tính minh bạch và lành mạnh tài chính trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Tạo điều kiện cho Công ty chủ động, linh hoạt trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động trong quyết định đầu tư; chủ động khâu phân phối sản phẩm theo cơ chế thị trường; chủ động trong việc thực hiện chiến lược phát triển ...;

Nâng cao khả năng cạnh tranh, xã hội hóa các hoạt động của ngành cấp thoát nước tại tỉnh Trà Vinh; tạo thêm và phát triển bền vững ngành công nghiệp của tỉnh;

Tạo điều kiện mở rộng hợp tác với các đối tác, có kinh nghiệm về Ngành, kinh nghiệm về thị trường, tiềm lực về tài chính, quản lý doanh nghiệp...

III. Hình thức CPH

Căn cứ theo tình hình thực tế và quy định tại khoản 2 điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là “ ***Bán một phần***



vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”, trong đó nhà nước chiếm cổ phần chi phối.

IV. Tình hình doanh nghiệp sau khi CPH

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH.

Tên tiếng Anh: TRA VINH WATER SUPPLY & DRAINAGE JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TRAWACO

Logo:



Trụ sở: Số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP Trà Vinh,
Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 074.3840215

Fax: 074-3850656

Website: trawaco.com.vn

Email: trawacotv@gmail.com

2. Hình thức pháp lý

Sau khi CPH, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích, trong đó **Nhà nước nắm giữ 64% vốn điều lệ**, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần.

3. Ngành nghề kinh doanh

Về cơ bản công ty tiếp tục đẩy mạnh và phát triển các ngành nghề trước CPH.

STT	Tên Ngành	Mã Ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh	3600
2	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Quản lý và thi công các hệ thống cấp thoát nước; thiết kế; giám sát các công trình cấp và thoát nước	4322



3	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	3700
4	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai	1104
5	Dịch vụ cấp nước sau đồng hồ Dịch vụ thoát nước cộng đồng Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp Sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí chuyên ngành và các sản phẩm dân dụng Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước	

4. GTDN để CPH và các dự án chưa đưa vào CPH

4.1 Kết quả xác định GTDN

Căn cứ trên báo cáo kết quả xác định GTDN để CPH tại thời điểm 0 giờ ngày 31/12/2014 của tổ chức tư vấn xác định GTDN, GTDN của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu thẩm định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	221.491.996.039	224.049.792.345	2.557.796.306
I. TSCĐ & đầu tư dài hạn (1+2+3+4+5+6)	192.520.032.879	194.974.392.374	2.454.359.495
1. Tài sản cố định	91.055.737.573	93.034.962.714	1.979.225.141
a. Tài sản cố định hữu hình	90.941.285.603	92.920.510.744	1.979.225.141
b. Tài sản cố định vô hình (phần mềm quản lý)	114.451.970	114.451.970	
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.139.658.918	4.139.658.918	
4. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn			
5. Chi phí trả trước dài hạn	6.158.577.588	6.633.711.943	475.134.355
6. Các khoản phải thu dài hạn	88.166.058.800	88.166.058.800	
II. TSLĐ & đầu tư ngắn hạn (1+2+3+4+5)	28.060.664.190	28.164.101.001	103.436.811
1. Tiền	11.603.901.751	11.603.902.262	511
- Tiền mặt tồn quỹ	30.570.989	30.571.500	511
- Tiền gửi ngân hàng	11.573.330.762	11.573.330.762	
- Các khoản tương đương tiền			



2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	311.347.565	311.347.565	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	7.413.191.479	7.516.627.779	103.436.300
4. Vật tư, hàng hóa tồn kho	7.327.882.671	7.327.882.671	
5.TSLĐ khác	1.404.340.724	1.404.340.724	
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN			
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	911.298.970	911.298.970	
B. Tài sản không cần dùng (chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	4.091.715.577	7.045.707.625	2.953.992.048
I. TSCĐ & đầu tư dài hạn	3.756.380.920	6.710.372.968	2.953.992.048
1. TSCé (kể cả tài sản phát hiện thừa)	3.756.380.920	6.710.372.968	2.953.992.048
Trong đó TS đầu tư = quỹ khen thưởng + quỹ phúc lợi			
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
4. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn			
II. TS lưu động & đầu tư ngắn hạn	335.334.657	335.334.657	
1. Công nợ không có khả năng thu hồi			
2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất	308.382.155	308.382.155	
3. Công cụ dụng cụ không cần dùng	26.952.502	26.952.502	
C. Tài sản chờ thanh lý			
I. TSCĐ & đầu tư dài hạn			
II. TS lưu động & đầu tư ngắn hạn			
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)			
Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (A+B+C+D)	225.583.711.616	231.095.499.970	5.511.788.354
Trong đó Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp (mục A)	221.491.996.039	224.049.792.345	2.557.796.306
E1. Nợ thực tế phải trả (ngắn hạn & dài hạn)	98.937.797.429	98.937.797.429	
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp			
Giá trị thực tế phần vốn của CSH tại DN (A-(E1+E2))	122.554.198.610	125.111.994.916	2.557.796.306

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thông qua giá trị doanh nghiệp CPH của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh:

1. Giá trị thực tế của Công ty: **224.049.792.345** đồng
2. Giá trị thực tế phần vốn NN tại doanh nghiệp: **125.111.994.916** đồng



3. Tài sản không đưa vào CPH: **7.045.707.625** đồng

4.2 Các công trình chưa đưa vào xác định GTDN để CPH

Tại thời điểm thực hiện xác định GTDN, các dự án đang đầu tư xây dựng dở dang công trình mở rộng các nhà máy cấp thoát nước có phần vốn từ Ngân sách nhà nước cấp từ 01/01/2015 không đưa vào xác định GTDN, do đó trên báo cáo định giá xác định GTDN tổng số tiền đầu tư đã cấp cho các dự án này từ 01/01/2015 chưa tính vào vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Cụ thể các công trình đã đầu tư chưa tính vào GTDN khi CPH đến thời điểm hiện tại như sau:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy cấp nước thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải: Theo quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND tỉnh Trà Vinh với tổng mức đầu tư: 152.613.000.000 đồng. Trong đó:
 - + Vốn vay cơ quan phát triển Pháp chiếm 72,5%: 110.579.000.000 đồng.
 - + Vốn Nhà nước chiếm 27,5%: 42.034.000.000 đồng.
 - Vốn đã cấp tới thời điểm 31/12/2014: 13.858.002.792 đồng
 - Vốn ngân sách nhà nước cấp từ ngày 01/01/2015 đến 24/11/2015: 417.977.500 đồng.
 - Kế hoạch đang làm thủ tục giải ngân: 1.231.775.463 đồng
 - Mượn vốn Công ty: 204.436.084 đồng
 - + Vốn đưa vào quy mô vốn điều lệ Công ty khi CPH của dự án này: **1.854.189.047** đồng
- Dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống cấp thoát nước đô thị Tiểu Cần – Cầu Quan, huyện Tiểu Cần: Được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 04 tháng 06 năm 2013 của UBND tỉnh Trà Vinh với tổng mức đầu tư: 64.107.000.000 đồng. Trong đó:
 - + Vốn vay cơ quan phát triển Pháp chiếm 74,4%: 47.720.000.000 đồng
 - + Vốn Nhà nước chiếm 25,6%: 16.387.000.000 đồng
 - Vốn đã cấp tới thời điểm 31/12/2014: 2.403.056.334 đồng
 - Vốn ngân sách nhà nước cấp từ ngày 01/01/2015 đến 24/11/2015: 596.943.666 đồng.
 - Kế hoạch đang làm thủ tục giải ngân: 0 đồng
 - Mượn vốn Công ty: 1.734.440.666 đồng
 - + Vốn đưa vào quy mô vốn Công ty khi CPH của dự án này: **2.331.384.332** đồng
- Dự án đầu tư xây dựng công trình đầu tư cấp nước cho một phần xã Hòa Tân, Châu Điện và thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè: Được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/01/2013 của UBND tỉnh Trà Vinh, tổng mức đầu tư: 29.960.000.000 đồng. Trong đó:
 - + Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Italia chiếm 35,7%: 10.700.000.000 đồng.
 - + Vốn Nhà nước chiếm 64,3%: 19.260.000.000 đồng
 - Vốn đã cấp tới thời điểm 31/12/2014: 346.781.000 đồng

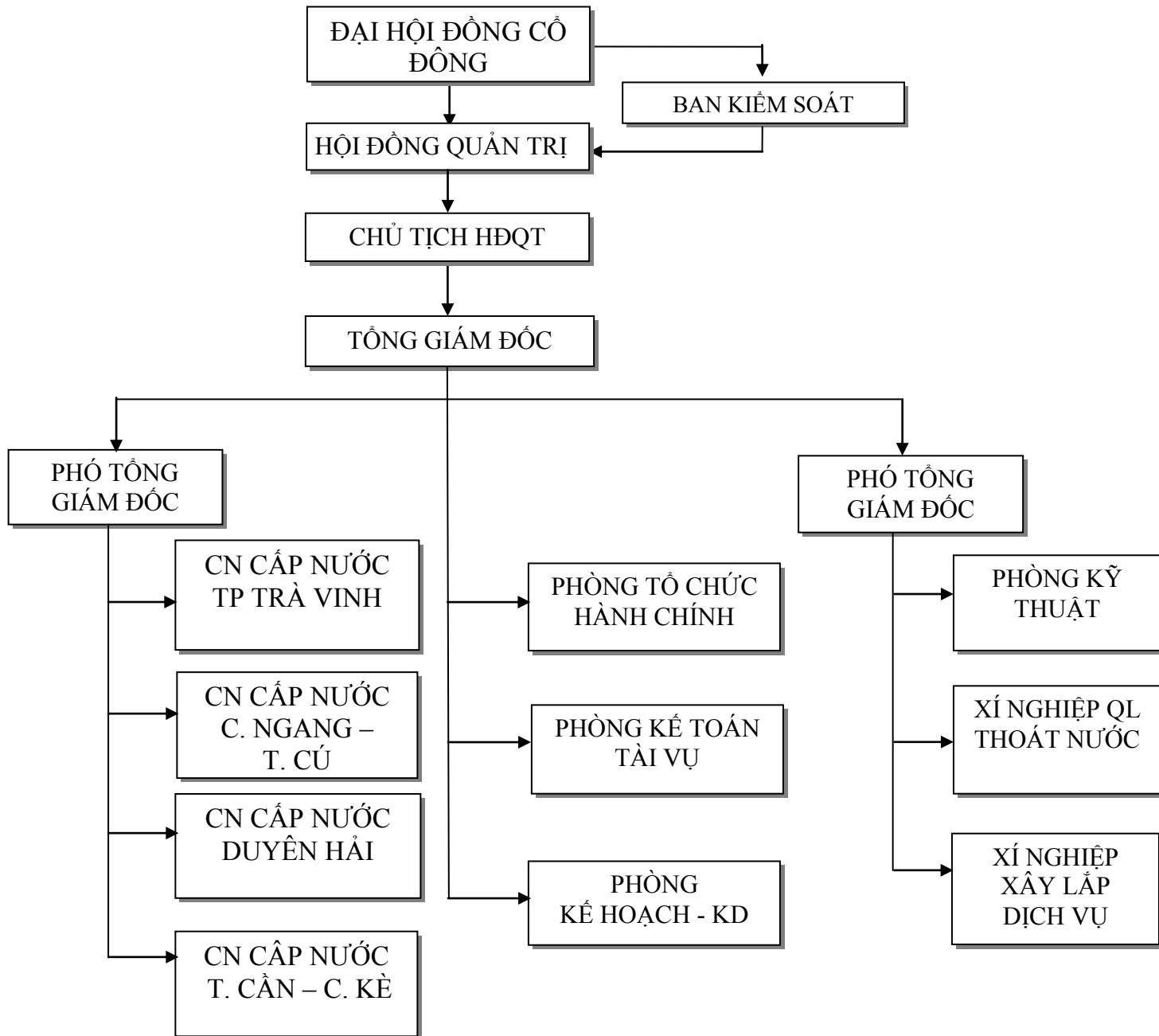


- Vốn ngân sách nhà nước cấp từ ngày 01/01/2015 đến 24/11/2015: 425.498.000 đồng.
- Kế hoạch đang làm thủ tục giải ngân: 2.227.721.000 đồng
- Mượn vốn Công ty: 0 đồng
- + Vốn đưa vào quy mô vốn Công ty khi CPH của dự án này: **2.653.219.000** đồng
- Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh: Được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh với tổng mức đầu tư: 34.418.510.000 đồng. Trong đó:
 - + Vốn Nhà nước 100%: 34.418.510.000 đồng
 - Vốn đã cấp tới thời điểm 31/12/2014: 970.119.439 đồng
 - Vốn ngân sách nhà nước cấp từ ngày 01/01/2015 đến 24/11/2015: 836.442.685 đồng.
 - Kế hoạch đang làm thủ tục giải ngân: 12.163.557.315 đồng
 - Mượn vốn Công ty: 0 đồng
 - + Vốn đưa vào quy mô vốn điều lệ Công ty khi CPH của dự án này: **13.000.000.000** đồng
- Dự án Biến đổi khí hậu Hà Lan Trong đó:
 - + Vốn Nhà nước 100%: đồng
 - Vốn đã cấp tới thời điểm 31/12/2014: 679.625.000 đồng
 - Vốn ngân sách nhà nước cấp từ ngày 01/01/2015 đến 24/11/2015: 0 đồng.
 - Kế hoạch đang làm thủ tục giải ngân: 0 đồng
 - Vốn tài trợ từ Hà Lan: 1.027.814.970 đồng
 - + Vốn đưa vào quy mô vốn điều lệ Công ty khi CPH của dự án này: **1.027.814.970** đồng

Từ ngày 01/01/2015 đến thời điểm hiện tại, tổng giá trị của các công trình doanh nghiệp đã tiếp nhận và sẽ tiếp nhận chưa đưa vào xác định GTDN là **20.866.607.349** đồng. Với dự kiến phân vốn nhà nước đã đầu tư cho các công trình này sẽ được Công ty tiếp tục quản lý, sử dụng, do đó Công ty kiến nghị UBND tỉnh phê duyệt đưa tổng giá trị phân vốn **20.866.607.349** đồng vào giá trị vốn nhà nước khi CPH.

5. Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần

5.1 Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển thành Công ty cổ phần như sau



5.2 Cơ cấu tổ chức định biên các đơn vị trong doanh nghiệp

STT	Phòng ban	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
1	Hội đồng Quản trị	5	
2	Ban kiểm soát	3	



3	Phòng TC - HC	11	
4	Phòng Kỹ thuật	18	
5	Phòng KH – KD	32	
6	Phòng Kế toán – Tài vụ	7	
7	Chi nhánh cấp nước Trà Vinh	32	
8	Chi nhánh cấp nước Tiểu Cần – Cầu Kè	16	
9	Chi nhánh cấp nước Cầu Ngang – Trà Cú	16	
10	Chi nhánh cấp nước Duyên Hải	11	
11	Xí nghiệp quản QL Thoát nước	20	
12	Xí nghiệp Xây lắp – Dịch vụ	31	
	Tổng cộng	202	100

5.3 Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền Quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để Quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Được các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra làm Chủ tịch có chức năng, quyền hạn theo quy định của Luật hiện hành và Điều lệ tại công ty cổ phần.

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo quy định Luật doanh nghiệp số 68/2015/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo Quyết



định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban kiểm soát của Công ty 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Tổng Giám đốc**

Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

❖ **Cơ cấu các phòng ban chuyên môn gần như ổn định không có thay đổi.**

V. Phương án CPH và Cơ cấu vốn điều lệ

1. Số lượng cổ phần chào bán

Căn cứ vào kết quả xác định GTDN Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thông qua giá trị doanh nghiệp CPH của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh và vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp về việc tiếp nhận các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, vốn điều lệ dự kiến là: **145.978.602.265** đồng (làm tròn: **145.978.600.000** đồng). Trong đó:

- + Giá trị phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp đến thời điểm 0 giờ ngày 31/12/2014: **125.111.994.916** đồng
- + Giá trị vốn các dự án đầu tư: **20.866.607.349** đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số cổ phần dự kiến phát hành: **14.597.860** cổ phần, trong đó:
 - + Cổ phần Nhà nước nắm giữ: **9.342.631** cổ phần, tương ứng **64%** vốn điều lệ.
 - + Cổ phần chào bán: **5.255.229** cổ phần, tương ứng **36%** vốn điều lệ. Cụ thể số lượng cổ phần chào bán như sau:

Cơ cấu sở hữu vốn dự kiến trong công ty cổ phần như sau:

STT	Đối tượng chào bán	SL CP (cổ phần)	Tỷ lệ cổ phần /Vốn điều lệ
I	Nhà nước nắm giữ	9.342.631	64,00%
II	Cổ phần chào bán	5.255.229	36,00%
1	Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT	2.627.229	18,00%
2	Chào bán cho NĐT Chiến lược	2.200.000	15,07%
3	Chào bán cho người lao động trong công ty theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	343.300	2,35%
4	Chào bán cho người lao động trong công ty theo dạng đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	80.700	0,55%



5	Chào bán cho công đoàn công công ty	4.000	0,03%
Cộng		14.597.860	100,00%

2. Trình tự chào bán và giá khởi điểm

Tiến hành chào bán cho nhà đầu tư chiến lược trước sau đó thực hiện chào bán cho công đoàn, người lao động trong công ty và thực hiện chào bán công khai ra bên ngoài.

Giá khởi điểm chào bán: 10.000 đồng/cổ phần (là giá khởi điểm chào bán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

3. Phương án chào bán cổ phần

3.1 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần thì “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau CPH về: Chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”. Dựa trên quy định này, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh xây dựng các tiêu chí để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược như sau:

- Có thiện chí trong quá trình đàm phán để trở thành nhà đầu tư chiến lược.
- Có năng lực về tài chính, vốn CSH đến ngày 31/12/2014 có từ 20 tỷ đồng trở lên;
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần;
- Có cam kết hợp tác và hỗ trợ lâu dài cho Công ty sau khi cổ phần hoá về tài chính, kỹ thuật, quản trị doanh nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực
- Có quan hệ hợp tác với Công ty trong cung ứng nguyên vật liệu, tiêu thụ sản phẩm đầu ra hoặc hợp tác kinh doanh với Công ty trước khi CPH.
- Nhà đầu tư chiến lược không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu 5 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Trên cơ sở xét duyệt các tiêu chí đó và sau khi làm việc với các đối tác, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh lựa chọn và đề xuất danh sách nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần lần đầu, trình ban chỉ đạo và



UBND tỉnh quyết định như sau: *(đính kèm theo danh sách cổ đông chiến lược và tờ trình số...../TTr-CTN ngày...tháng...năm 2015 của Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh).*

Giá cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Theo quy định tại điểm đ, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì: *“Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:*

- Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo CPH thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

- Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối với trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án CPH phê duyệt.”

Ban chỉ đạo CPH sẽ thực hiện việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trước. Giá bán do Ban Chỉ đạo CPH thỏa thuận trực tiếp (hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược) với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá khởi điểm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nhà đầu tư chiến lược sẽ tiến hành nộp tiền đặt cọc vào tài khoản phong tỏa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh. Số tiền nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc tương ứng với 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền cọc.

Quy định về hạn chế chuyển nhượng:

Theo quy định tại Tiết c, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì : *“Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”.*



Số lượng cổ phần chào bán dự kiến: **2.200.000** cổ phần chiếm **15,07%** vốn điều lệ.

Giá khởi điểm chào bán: 10.000 đồng/cổ phần.

3.2 Cổ phần chào bán cho công đoàn công ty

- Số lượng cổ phần chào bán cho công đoàn: **4.000** cổ phần, tương ứng với **0,03%** vốn điều lệ.
- Giá bán: Bằng **60%** giá bán thành công thấp nhất của đợt chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

3.3 Cổ phần bán cho người lao động trong công ty

3.3.1 Cổ phần chào bán cho người lao động trong công ty theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

- Theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.
- Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần ưu đãi.
 - + Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hoá trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.
- Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố GTDN để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:
 - + Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước.
 - + Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).
 - + Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.



- Nguyên tắc xác định số cổ phần người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố GTDN được mua ưu đãi.
 - + Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố GTDN được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước.
- Giá bán cho người lao động: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất của đợt chào bán cho nhà đầu tư chiến lược.
- Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN CPH là: **228** người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi **227** người. Số người không đủ điều kiện mua là **01** người (do chưa đủ 1 năm công tác tại khu vực Nhà nước và 01 người không đăng ký mua).
- Tổng số năm công tác của người lao động được mua cổ phần ưu đãi trong khu vực Nhà nước **3.433** năm.
- Số lượng cổ phần chào bán: **343.300** cổ phần, chiếm **2,35%** vốn điều lệ.
- Danh sách người lao động, năm công tác của từng người, số cổ phần từng người được mua ưu đãi (*danh sách kèm theo*).

3.3.2 Cổ phần chào bán cho người lao động trong công ty theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

- Theo quy định tại Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần: Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố GTDN CPH, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau: Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động. Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp CPH căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi CPH.
- Đại hội đại biểu người lao động đã thống nhất đề nghị (*Doanh nghiệp cần lập biên bản hội nghị người lao động*).
Tiêu chí xác định người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao.
- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh có **39** CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **80.700** cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là 807.000.000 đồng chiếm **0,55%** vốn điều lệ công ty cổ phần (*đính kèm theo danh sách CB-CNV mua cổ phần ưu đãi và*



trờ trình số...../TTr-CTN ngày...tháng...năm 2015 của Cty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh).

- Trường hợp chấm dứt HĐLĐ trước hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ cổ phần đã mua thêm với mức giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã mua tại thời điểm CPH.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: Bằng giá bán thành công thấp nhất của cuộc chào bán cho nhà đầu tư chiến lược.

3.4 Chào bán công khai ra bên ngoài cho các NĐT

- Số lượng cổ phần chào bán công khai: **2.627.229** cổ phần. chiếm: **18,00%** vốn điều lệ.
- Giá khởi điểm chào bán: Là mức giá khởi điểm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Thực hiện theo hình thức đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán (để xuất đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM).

4. Tổ chức bán đấu giá

Sau khi phương án CPH Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt, Ban chỉ đạo CPH chỉ đạo doanh nghiệp CPH triển khai việc bán cổ phần lần đầu theo đúng trình tự quy định và theo phương án được duyệt.

4.1 Xử lý cổ phiếu không bán hết

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược từ chối mua theo cam kết khi đăng ký
- Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt
- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

4.2 Phương án xử lý

- Chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức đấu giá trực tiếp giữa các nhà đầu tư hoặc thỏa thuận trực tiếp với giá bán không thấp hơn giá bán thành công thấp nhất.
- Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo CPH báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án CPH thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để

chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

5. Các rủi ro dự kiến

5.1 Rủi ro về kinh tế

Là một điều tất yếu khách quan khi có những tác động ảnh hưởng đến trực tiếp và những liên quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều kiện kinh tế, thu nhập của người dân, nhu cầu sử dụng nước sạch ... là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tốt (và không tốt) đến hoạt động của doanh nghiệp.

5.2 Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật an toàn thực phẩm, Luật môi trường,....

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

5.3 Rủi ro đặc thù

Rủi ro về giá nước tiêu thụ

Hiện nay, giá nước áp dụng cho các tổ chức kinh doanh và hộ gia đình do UBND tỉnh phê duyệt. Biểu giá nước phụ thuộc vào sự điều chỉnh của cấp quản lý mà không dành sự chủ động cho doanh nghiệp nên Công ty khó có thể điều chỉnh trên cơ sở cung cầu và thực lực kinh doanh của mình.

Rủi ro về cơ cấu giá nước tiêu thụ

Giá bán nước máy được phân ra theo từng đối tượng sử dụng. Việc phân giá nước tùy thuộc vào tỷ trọng các đối tượng sử dụng nước. Thị trường tiêu thụ nước ở Trà Vinh đa số là cho mục đích tiêu dùng sinh hoạt. Nếu trong tương lai, tỷ trọng của đối tượng sử dụng nước cho sinh hoạt tăng hơn so với tỷ trọng đã cơ cấu trong giá bán thì sẽ dẫn tới giá bán bình quân giảm hơn so với giá bình quân đã được duyệt. Điều này đem lại kết quả là công ty sẽ bị lỗ vì giá và ngược lại.



5.4 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt phát hành ra công chúng lần đầu của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh nhằm mục đích giúp công ty hoạt động ngày một độc lập và hiệu quả hơn.

Tuy nhiên trong thời điểm hiện tại và trong thời gian sắp tới, thị trường Chứng khoán vẫn còn đang trong giai đoạn phục hồi nên giá cổ phiếu hiện nay sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều, làm cho nhà đầu tư ít quan tâm đến các cổ phần bán lần đầu của các doanh nghiệp CPH. Do vậy việc phát hành lần này của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh bị ảnh hưởng khá lớn. Giá bán phải ở mức hấp dẫn mới thu hút sự quan tâm và tham gia của các nhà đầu tư.

5.5 Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh .

VI. Phương án sắp xếp lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau CPH và các quy định của pháp luật về lao động cũng như chủ trương của Chính Phủ về chính sách lao động khi chuyển đổi mô hình công ty sang cổ phần, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN CPH	228
1	Lao động làm việc không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	04
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	221
21	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	215
2.2	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	6
23	Lao động làm việc thời vụ	0
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	0
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố	27



- + .
- + ệt phương án sử dụ ỗ trợ người lao độ
- + ợc tuyển dụng vào làm việc tại công ty từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau nghỉ việc và được giải quyết chế độ thôi việc, mất việ ại Điều 48, Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2012, công ty dự toán kinh phí chi trả chế độ.
- ận được kinh phí hỗ trợ người lao động dôi dư từ các nguồn theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2015/NĐ-CP côn , hỗ trợ
- ờ
- : Đ
-).

VIII. Chiến lược và phương án kinh doanh của Công ty sau CPH

1. Chiến lược phát triển

1.1 Sản phẩm

Sản xuất cung cấp nước sạch đáp ứng yêu cầu sử dụng cho các đô thị trong toàn tỉnh Trà Vinh góp phần cải thiện đời sống sinh hoạt của nhân dân và phục vụ phát triển kinh tế.

Quản lý vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải của thành phố Trà Vinh, góp phần cải thiện và bảo vệ môi trường.

Trình duyệt đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật quy định.

1.2 Khách hàng

Hướng tới cộng đồng đặc biệt là người nghèo. Mở rộng độ bao phủ dịch vụ cấp thoát nước, có cơ chế ưu đãi đối với hộ nghèo.

1.3 Thị trường

Mở rộng hệ thống cấp nước cho các đô thị phấn đấu đến năm 2020 đạt 100% dân số ở thành phố Trà Vinh và 80% dân số các thị trấn, thị tứ trong toàn tỉnh được sử dụng nước sạch.

1.4 Thương hiệu

Xây dựng niềm tin và giữ được uy tín của Công ty với khách hàng, với các đối tác.



1.5 Nguồn nhân lực

Xây dựng hệ thống quy chế quản lý nội bộ khoa học, tổ chức bộ máy nhân sự của Công ty hoạt động theo hướng tinh gọn phù hợp với từng lĩnh vực quản lý, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng vì sự phát triển công ty.

Xây dựng cơ chế tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên lành nghề có trình độ năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ giỏi. Cải thiện điều kiện làm việc đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người lao động.

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 – 2018

2.1 Các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 đến 2018 của Công ty

Số TT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm				Ghi chú
			2015	2016	2017	2018	
I	Sản xuất						
1	Giá trị tổng sản lượng	Triệu	14.895	16.220	17.078	18.102	
	<i>(Theo giá cố định năm 1994)</i>						
	- Nước máy	"	15.098	16.220	17.078	18.102	
2	Sản phẩm chủ yếu						
	- Nước máy Sản xuất	1000m ³	9.930	10.814	11.385	12.068	
	- Nước máy tiêu thụ	1000m ³	8.613	9.425	9.677	10.258	
II	Nguồn vốn kinh doanh	Triệu					
	- Vốn CSH (vốn điều lệ)	"	133.000	149.370	149.370	149.370	
III	Lao động						
1	- Tổng số lao động	Người	230	210	210	210	
2	- Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đ	6.500	6.600	6.800	7.000	
IV	Kết quả kinh doanh						
1	Tổng doanh thu:	Triệu	58.740	62.783	64.302	67.728	
	Trong đó:	"					
	- Doanh thu nước máy	"	50.840	55.583	57.102	60.528	
	- Xây lắp	"	3.000	2.000	2.000	2.000	
	- Doanh thu DV thoát nước	"	4.700	5.000	5.000	5.000	
	- Doanh thu khác	"	200	200	200	200	



2	Tổng chi phí	"	54.535	58.023	59.197	62.078
3	Lợi nhuận trước thuế	"	4.205	4.760	5.105	5.650
4	Tỷ suất lợi nhuận trên DT	%	7,15	7,79	7,94	8,34
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	%				
6	Nộp ngân sách	Triệu	5.161	5,320	5,630	6,014
	Trong đó:					
	- Thuế giá trị gia tăng (VAT)	"	200			
	- Thuế thu nhập DN	"	925	870	1,021	1,130
	- Thuế Tài nguyên	"	1.509	1,622	1,707	1,810
	- Thuế khác		50	50	50	50
	- Nộp phí bảo vệ môi trường	"	2.477	2,778	2,852	3,024
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu	3.280	3.808	4.084	4.520
8	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%				

2.2 Dự kiến Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2016 – 2018

TT	Tên dự án	Địa điểm Xây dựng	Tổng vốn Đầu tư (triệu)	Công suất (m ³)	Ghi chú
	Các dự án năm 2015				
1	Hệ thống cấp nước đô thị Tiểu Cần – Cầu Quan, huyện Tiểu Cần	Xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần	64.107	2.900m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng Quý IV năm 2015
2	Nhà máy cấp nước TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Dự án lập lại)	Áp Long Thạnh, xã Long Toàn, huyện DH	152.613	9.600m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2016
3	Dự án nâng công suất nhà máy cấp nước TP Trà Vinh	TT Châu Thành, huyện Châu Thành	7.504	23.000 lên 25.000 m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng năm



	từ 23.000 lên 25.000 m ³ /ngày đêm				2016
II	Giai đoạn 2016 – 2020 (dự kiến)				
1	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú	Áp Xoài Thum, xã Ngãi Xuyên	34.418	2.600m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2016
2	Đầu tư cấp nước cho một phần xã Hòa Tân, xã Châu Điền & TT Cầu Kè, huyện Cầu Kè	TT Cầu Kè, huyện Cầu Kè	29.960	2.400m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2017
3	Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Nhà máy cấp nước TP Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	715.035	50.000m ³ /ngày đêm	Nghiệm thu đưa vào sử dụng cuối năm 2019

(Các Dự án trên khi đưa vào hoạt động sẽ làm tăng giá trị tài sản, tăng nợ vay và tăng tỷ lệ góp vốn của nhà nước lên tương ứng trong cơ cấu giá trị khi quyết toán dự án)

3. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh doanh chính

3.1 Giải pháp về tài chính

Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh trong giai đoạn từ 2016 - 2018 cần khoảng 800 tỷ đồng. Để giải quyết vốn cho đầu tư phát triển mở rộng nhà máy, Công ty huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thông qua các hình thức vay vốn, CSH vốn nhà nước sẽ góp thêm một phần vốn và vốn tự có.

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đứng ra bảo lãnh cho Công ty ký Hiệp định vay ODA của chính phủ Hàn Quốc đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy cấp nước thành phố Trà Vinh giai đoạn II lên 50.000m³/ngày đêm.

3.2 Những biện pháp kỹ thuật

Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác chống thất thoát nước sạch nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý.

Xem xét đầu tư các dự án trọng điểm .

Đưa công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý trong đó có công nghệ SCADA và GIS để quản lý tài sản, chất lượng, lưu lượng, áp lực nước, điều khiển từ xa các trạm khai thác đầu nguồn .



3.3 Những biện pháp về quản lý

Để đạt được mục tiêu trước mắt và lâu dài Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý có hiệu quả.

Có chính sách đãi ngộ cán bộ để thu hút cán bộ như hoàn thiện chế độ trả lương gắn với vị trí, hiệu quả công việc, có quy chế thưởng phạt công bằng, nghiêm túc .

Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt, nhằm tiếp thu tốt góp ý của khách hàng.

Xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí kinh phí cũng như nguồn tài nguyên nước .

Đảm bảo về chất lượng sản phẩm và cấp nước an toàn.

3.4 Duy trì và mở rộng thị trường của Công ty

Công ty xem việc phát triển khách hàng là nhiệm vụ trọng tâm sống còn của Công ty, đây là phương châm mà các phòng ban chuyên môn, các Chi nhánh, Xí nghiệp và người lao động trong Công ty phải biết .

Công ty có kế hoạch điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về nhu cầu nước sạch, căn cứ vào kết quả quyết định hợp lý trong việc đầu tư mở rộng mạng lưới Công ty cải tiến một số thủ tục hành chính, tăng cường làm tốt dịch vụ khách hàng.

3.5 Tăng cường công tác quản lý và đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động

Lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chính vì vậy nâng cao trình độ đội ngũ lao động, đào tạo cán bộ quản lý là một việc rất cần thiết để tạo hiệu quả hoạt động của công ty:

Công ty phải thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến, kích thích tinh thần nhằm làm cho người lao động được thỏa mãn.

Đối với đội ngũ cán bộ quản trị, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại tạo điều kiện cho các cán bộ này tham gia vào các khóa đào tạo bồi dưỡng học hỏi kinh nghiệm để nâng cao năng lực quản lý, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.

Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường nguyện vọng của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, năng suất hiệu quả thấp.

Công ty sẽ tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng các công việc của công ty để ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

Đề tạo động lực cho tập thể và cá nhân, người lao động công ty có biện pháp khuyến khích người lao động như: Phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm cân bằng hợp lý thưởng phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao hay những người có những ý kiến đóng góp cho Công ty trong kinh doanh.

4. Phân tích Swot

Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, các cơ hội, các nguy cơ (SWOT).

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
<p>Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Trà Vinh là công ty duy nhất được Tỉnh giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ nhu cầu Sản xuất và tiêu dùng trong Tỉnh. Cũng do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty là doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch. Do Ban lãnh đạo Công ty hoạt động có hiệu quả nên chất lượng các hoạt động của Công ty ngày càng được cải thiện và nâng cao. Công ty ngày càng nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các khách hàng khi sử dụng dịch vụ. - Khi nền kinh tế ngày càng hội nhập và phát triển thì vấn đề về nước sạch sẽ ngày càng được Nhà nước quan tâm, sự hỗ trợ của các nước phát triển, các Tổ chức trong và ngoài nước. Chính vì vậy cơ hội phát triển ngành của Công ty là rất lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng nên vốn đầu tư lớn, chủ yếu là nguồn vốn vay ngân hàng, mục tiêu của dự án chủ yếu phục vụ an sinh xã hội, thời gian thu hồi vốn kéo dài... - Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, sản phẩm hoạt động công ích của Công ty được thanh toán theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, do giá trị tài sản lớn, giá nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất thực tế. Nếu tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí của giá thành toàn bộ và lợi nhuận hợp lý thì giá tiêu thụ nước sạch sẽ tăng đột biến làm ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất và an sinh xã hội của Tỉnh. Đây là một điểm yếu của Công ty khi trở thành Công ty cổ phần, phải tự hạch toán thu chi, lãi lỗ - Ban lãnh đạo của Công ty cũng như CBCNV chưa bắt kịp sự thay đổi cơ chế quản lý. Tư tưởng ỷ lại, trì trệ, bao cấp của một bộ phận người lao động còn nặng nề.
<p>CÁC CƠ HỘI (O)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong những năm tới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nhu cầu nước sạch rất cao. Đây là thuận lợi rất lớn đối với Công ty về khối lượng công việc dành cho CBCNV trong tương lai. 	<p>CÁC NGUY CƠ (T)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nền kinh tế phát triển, các ngành công nghiệp cũng phát triển. Theo đó yêu cầu nước sạch rất cao. Do vậy Công ty sẽ phải cố gắng, nỗ lực rất nhiều trong quá trình hoạt động để đạt



<p>- Tỉnh Trà Vinh đang trong quá trình đổi mới một cách mạnh mẽ. Do vậy Công ty được hòa nhập với sự phát triển chung của Tỉnh.</p> <p>- Công ty có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch nên tạo được sự tin tưởng của khách hàng đối với Công ty. Đây là cơ hội lớn cho Công ty khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần</p>	<p>được mục tiêu đề ra cũng như để đạt được chỉ tiêu mà UBND tỉnh Trà Vinh giao.</p> <p>- Cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, các kỹ thuật tiên tiến sẽ được áp dụng mới vào trong quá trình xử lý nước ... Tuy hiện tại Công ty trình độ của đội ngũ CBCNV chưa cao, sự tiếp thu cũng như áp dụng kỹ thuật sẽ gặp khó khăn. Do vậy nếu không nâng cao trình độ đội ngũ CBCNV thì đây sẽ là nguy cơ của Công ty trong tương lai gần.</p>
---	--



IX. Phương án sử dụng đất

Thực hiện Quyết định số 1525/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án sử dụng đất phục vụ CPH Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh của UBND tỉnh Trà Vinh ngày 18 tháng 9 năm 2015.

Sau khi Cổ phần Công ty tiếp tục thuê lại 35.773,5 m² để sản xuất kinh doanh thời hạn thuê là 50 năm hình thức thuê trả tiền thuê đất hàng năm.

STT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc đất	Nguyên giá ban đầu	Năm chuyển QSDĐ/ NN giao đất	Mục đích Sử dụng đất	Ghi chú
1	Khu văn phòng Cty và Trạm bơm tăng áp II	Điện Biên Phủ, K3P6, TP Trà Vinh	4.589	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	251.452.740	22/02/2006	Văn phòng Cty và trạm bơm cấp II	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 22/02/2006 Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 14/01/2013 Thửa đất số: 20 Tờ bản đồ số: 20
2	Trạm tăng áp II (phụ trợ - Khu B)	Điện Biên Phủ, P9 TP Trà Vinh	2.732,20	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	28/8/1997	Nhà kho vật tư, khu nhà làm việc	Quyết định 1131/QĐ-UBT ngày 28/8/1997 Thửa đất số: 1 Tờ bản đồ số: 13
3	Trạm tăng áp II (mở rộng - Khu C)	K3P6, TP Trà Vinh	3.063,70	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	09/9/2013	Khu xử lý nước	Quyết định 1670/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 Thửa đất số: 94 Tờ bản đồ số: 20



4	Trạm bơm số 1	Mỹ Chánh, Châu Thành	133,50	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	19/4/1995	Trạm bơm cấp 1 (giếng G1)	Quyết định số 294/QĐ- UBT ngày 19/4/1995 Thửa đất số: 74 Tờ bản đồ số: 25
5	Trạm bơm số 2	Mỹ Chánh, Châu Thành	210	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm,	Chưa xác định	19/4/1995	Trạm bơm cấp 1 (giếng G2)	Quyết định số 289/QĐ- UBT ngày 19/4/1995
6	Trạm bơm số 3	Mỹ Chánh, Châu Thành	324	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm,	Chưa xác định	19/4/1995	Trạm bơm cấp 1 (giếng G3)	Quyết định số 293/QĐ- UBT ngày 19/4/1995
7	Trạm bơm số 4	Mỹ Chánh, Châu Thành	249,30	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm,	Chưa xác định	19/4/1995	Trạm bơm cấp 1 (giếng G4)	Quyết định số 291/QĐ- UBT ngày 19/4/1995 QĐ 449/QĐ-UBND ngày 04/3/2013 Thửa đất số: 247 Tờ bản đồ số: 43
8	Trạm bơm số 5	Đa Lộc, Châu Thành	147,50	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	09/11/2012	Trạm bơm cấp 1 (giếng G5)	Quyết định 2067/QĐ- UBND ngày 09/11/2012 Thửa đất số: 70;78 Tờ bản đồ số: 24
9	Trạm bơm số 6	Đa Lộc, Châu Thành	643,40	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	29/10/2013	Trạm bơm cấp 1 (giếng G6)	Quyết định 2024/QĐ- UBND ngày 29/10/2013 Thửa đất số: 2 Tờ bản đồ số: 26
10	Trạm bơm số 7	Đa Lộc, Châu Thành	400,30	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình	Chưa xác định	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1	Quyết định số 819/QĐ- UBT ngày 04/7/1996



				thức trả tiền thuê đất hàng năm.			(giếng G7)	Thửa đất số: 45 Tờ bản đồ số: 26
11	Trạm bơm số 8	Mỹ Chánh, Châu Thành	352,80	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G8)	Quyết định số 833/QĐ- UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 35 Tờ bản đồ số: 47
12	Trạm bơm số 9	Mỹ Chánh, Châu Thành	425,50	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G9)	Quyết định số 831/QĐ- UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 66 Tờ bản đồ số: 47
13	Trạm bơm số 10	Mỹ Chánh, Châu Thành	394	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G10)	Quyết định số 829/QĐ- UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 33 Tờ bản đồ số: 50
14	Trạm bơm số 11	Mỹ Chánh, Châu Thành	443,50	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G11)	Quyết định số 827/QĐ- UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 171 Tờ bản đồ số: 50
15	Trạm bơm số 12	Mỹ Chánh, Châu Thành	686	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	04/7/1996	Trạm bơm cấp 1 (giếng G12)	Quyết định số 817/QĐ- UBT ngày 04/7/1996 Thửa đất số: 501 Tờ bản đồ số: 50
16	Trạm bơm Trà Cú	Khóm 4, TT Trà Cú, Huyện Trà Cú	160,20	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 20 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.	Chưa xác định	02/10/1997	Trạm bơm	Quyết định số 1234/QĐ- UBT ngày 02/10/1997 Thửa đất số: 47 Tờ bản đồ số: 7
17	Nhà máy nước Trà Cú	Xã Ngãi Xuyên,	1.776	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được		03/9/2013	Nhà máy nước	Quyết định 1632/QĐ- UBND ngày 03/9/2013



		huyện Trà Cú		miễn tiền sử dụng đất				Thửa đất số: 2491 Tờ bản đồ số: 6
18	Trạm nước Duyên Hải (K2)	Khóm 2, TT Duyên Hải	617,60	Nhà nước cho thuê đất. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm, đã nộp tiền thuê đất tạm tính đến thời điểm CPH	15.210.000		Trạm bơm	
19	Nhà máy cấp nước TT Duyên Hải	Xã Long Toàn, huyện Duyên Hải	10.573	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất		18/4/2013	Nhà máy nước	Quyết định số 701/QĐ- UBND ngày 18/4/2013 Thửa đất số: 446; 448; 450; 451 Tờ bản đồ số: 11
20	Nhà máy nước Cầu Ngang - Mỹ Long (Trụ sở chính - giếng 1)	TT Cầu Ngang, H.Cầu Ngang	2.000,30	Nhà nước cho thuê đất. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm,	Chưa xác định		Nhà máy nước	Công văn số 3372/UBND-NN ngày 04/12/2007
21	Nhà máy nước Cầu Ngang - Mỹ Long (Giếng 2)	TT Cầu Ngang, H.Cầu Ngang	241,10	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	357.032.435	18/11/2010	Trạm bơm	Quyết định số 2064/QĐ- UBND ngày 18/11/2010 Quyết định số 1893/QĐ- UBND ngày 14/11/2011 Thửa đất số: 41 Tờ bản đồ số: 3
22	Trạm bơm Mỹ Cẩm A	Khóm Mỹ Cẩm A, TT Cầu Ngang	260,50	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	56.546.000	29/10/2004	Trạm bơm	Quyết định số 2254/QĐ- CTT ngày 29/10/2004 Thửa đất số: 49 Tờ bản đồ số: 8
23	Xây dựng nhà làm việc	Khóm 4, Phường 1,	301,30	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 50 năm. Hình	Chưa xác định	20/3/2007	Nhà làm việc Xí	Quyết định số 404/QĐ- UBND ngày 20/3/2007



	XN Quản lý Thoát nước	TP Trà Vinh		thức trả tiền thuê đất hàng năm.			ngành QL thoát nước	Thửa đất số: 16 Tờ bản đồ số: 17
24	Trạm cấp nước Cầu Kè	Khóm 4, TT Cầu Kè, H. Cầu Kè	867,60	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 20 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	Chưa xác định	28/4/2003	Trạm bơm	Quyết định số 604/QĐ-CTT ngày 28/4/2003 Thửa đất số: 13 Tờ bản đồ số: 21
25	Trạm cấp nước Cầu Quan	Khóm 1, TT Cầu Quan, H. Tiểu Cần	309,10	Nhà nước cho thuê đất, thời hạn 20 năm. Hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Được miễn tiền thuê đất	Chưa xác định	18/11/2003	Trạm bơm	Quyết định 2423/QĐ-CTT ngày 18/11/2003 Thửa đất số: 54 Tờ bản đồ số: 20
26	Giếng khoan khai thác số 1 - Trạm nước Cầu Quan	Khóm 3, TT Cầu Quan, H. Tiểu Cần	97,20	Nhận chuyển nhượng QSĐĐ	210.000.000	27/10/2011	Trạm bơm	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 Thửa đất số: 186 Tờ bản đồ số: 18
27	Nhà máy nước Tiểu Cần - Cầu Quan	Xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần	3.664	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất		16/01/2014	Nhà máy nước	Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 Thửa đất số: 936 Tờ bản đồ số: 6 Thửa đất số: 113 Tờ bản đồ số: 46
28	Trạm nước TT Châu Thành	Khóm 3, TT Châu Thành, H. Châu Thành	110,90	Nhận chuyển nhượng QSĐĐ	139.920.800	10/12/2008	Trạm bơm	Thửa đất số: 160; 178 Tờ bản đồ số: 10



	Tổng diện tích (m²):	35.773,50					
--	--	------------------	--	--	--	--	--



X. Quản lý và sử dụng số tiền thu từ CPH

1. Quản lý tiền thu từ CPH

Số tiền thu từ CPH doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí CPH. Phần còn lại và khoản chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định GTDN được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ. Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 thông tư 196/2011/TT-BTC

1.1 Dự toán chi phí CPH

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, tổng mức chi phí tối đa của doanh nghiệp CPH có GTDN trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng.

Giá trị thực tế của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định GTDN là 125.111.994.916 đồng nên tổng chi phí CPH của Công ty sẽ là 500.000.000 đồng.

Chi phí CPH của Công ty dự kiến bao gồm các khoản mục chính sau:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đồng)
1	Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	87.000.000
1.1	- Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hoá doanh nghiệp;	29.000.000
1.2	- Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản;	10.000.000
1.3	- Chi phí Đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hoá;	10.000.000
1.4	- Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp; gồm 3 đợt x 30.000 đ/ người x 229 người	25.000.000
1.5	- Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu;	13.000.000
2	Chi phí thuê tư vấn	189.000.000
2.1	Thuê tư vấn xác định GTDN	99.000.000
2.2	Thuê tư vấn CPH	90.000.000
3	Thù lao cho Ban chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc	204.000.000
4	Chi phí khác	20.000.000
	Tổng	500.000.000

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và vốn nhà nước tại các dự án đầu tư, tỷ lệ phần vốn góp nhà nước tại công ty cổ phần, dự kiến tiền thu



tạm tính theo giá định tất cả số lượng cổ phần được chào bán hết và giá bán là 10.000 đồng/cổ phiếu:

STT	Nội dung	Số cổ phần	Số tiền (đồng)
1	Tiền thu từ CPH (a)	5.255.229	51.163.090.000
a	Tiền thu từ chào bán công khai ra bên ngoài	2.627.229	26.272.290.000
b	Tiền thu từ chào bán cho NĐT chiến lược	2.200.000	22.000.000.000
c	Tiền thu từ chào bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên	343.300	2.059.800.000
d	Tiền thu từ chào bán cho CBCNV theo dạng cam kết làm việc lâu dài	80.700	807.000.000
e	Tiền thu từ chào bán cho công đoàn công ty	4.000	24.000.000
2	Mệnh giá chào bán (b)	5.255.229	52.552.290.000
3	Chênh lệch giữa tiền thu CPH và mệnh giá chào bán (c) = (a) - (b)		(1.389.200.000)
4	Chi phí CPH (d)		500.000.000
5	Giá trị ròng tiền thu (e) = (a) - (d)		50.663.090.000
6	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN (f) = (e)		50.663.090.000

XI. Tổ chức phương án CPH được duyệt

1. Tổ chức phương án được duyệt

Sau khi phương án CPH công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh được UBND tỉnh phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần sẽ chỉ đạo triển khai các công việc sau:

1.1 Triển khai các bước bán cổ phần

- Căn cứ tiêu chí lựa chọn NĐT chiến lược chào mời các NĐT có đủ điều kiện đăng ký mua cổ phần.
- Căn cứ kết quả bán đấu giá cổ phần cho NĐT chiến lược, thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn.
- Phối hợp đơn vị tư vấn, cung cấp các tài liệu liên quan và chỉ đạo doanh nghiệp ký hợp đồng với Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM để bán đấu giá công khai cổ phần theo quy định.

1.2 Triển khai phương án sắp xếp lao động được phê duyệt

1.3 Quản lý tiền thu được từ CPH

- Mở tài khoản phong tỏa và quản lý, sử dụng tiền thu từ CPH theo đúng quy định.



- Kết thúc quá trình CPH, doanh nghiệp phải quyết toán chi phí CPH và kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư nếu có, báo cáo Ban chỉ đạo CPH trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt.
- Nộp tiền thu từ CPH theo quy định.

1.4 Tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập

2. Kiến nghị

Công tác CPH Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh là thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo chủ trương của UBND tỉnh Trà Vinh.

Kính trình Ban chỉ đạo CPH thẩm định và trình UBND tỉnh Trà Vinh xem xét và quyết định phê duyệt phương án CPH và cho phép Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh tiến hành các thủ tục chuyển đổi trong thời gian sớm nhất./.

Trà Vinh, ngày tháng năm 2015

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NHƯ BÌNH